

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : TRẦN HOÀI THU
Giảng viên hướng dẫn: TH.s LƯƠNG KHÁNH CHI

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN
CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Hoài Thu
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP
(Time New Roman, 23pt, Bold)

Sinh viên: Trần Hoài Thu

Mã SV110019

Lớp: QT1102K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH
May Việt Hàn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán tài sản cố định
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty THNN May Việt Hàn.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty THNN May Việt Hàn.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh trong 3 năm gần đây của công ty TNHH May Việt Hàn.
 - Số liệu về thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH May Việt Hàn.

Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thụy – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

Mục Lục

Mục lục.....	
Lời mở đầu.....	01
Chương 1 : Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	03
1.1. Những vấn đề chung về TSCĐ trong doanh nghiệp	03
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của TSCĐ.....	03
1.1.2. Vai trò của TSCĐ.....	04
1.1.3. Phân loại TSCĐ.....	04
1.1.4. Đánh giá TSCĐ.....	06
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	10
1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ.....	10
1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ.....	10
1.2.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ.....	12
1.2.2.1.Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.2.2.Kế toán biến động tăng TSCĐ	13
1.2.1.2. Kế toán biến động giảm TSCĐ	19
1.2.3.Hao mòn và khấu hao TSCĐ.....	21
1.2.3.1.Khái niệm.....	21
1.2.3.2. Phương pháp khấu hao đường thẳng.....	23
1.2.3.3. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.....	23
1.2.3.4. Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm.....	24
1.2.3.5.Thời gian tính khấu hao.....	24
1.2.3.6.Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ.....	26
1.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	26
1.3. Các hình thức kế toán.....	31
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	31
1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ.....	33

1.3.3 Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	35
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	37
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	41
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH May Việt Hàn	
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH May Việt Hàn...	41
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH May Việt Hàn	43
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH May Việt Hàn	47
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	49
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	49
2.1.4.2. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng.....	49
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	54
2.2.1. Đặc điểm TSCĐHH và quản lý TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	54
2.2.1.1. Đặc điểm TSCĐHH, phân loại TSCĐHH tại Công ty.....	54
2.2.1.2. Yêu cầu quản lý TSCĐHH tại Công ty.....	55
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	55
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.....	55
2.2.2.2. Quy trình kế toán biến động TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn..	55
2.2.3.2. Quy trình kế toán biến động giảm TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	70
2.2.4. Kế toán khấu hao TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	83
2.2.5. Kế toán sửa chữa TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	87
Chương 3 : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	95

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán TSCĐ tại công ty TNHH May Việt Hàn.....	95
3.1.1. Những thành tựu đạt được.....	95
3.1.2. Những tồn tại.....	98
3.2: Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn.....	100
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐHH tại công ty TNHH May Việt Hàn.....	100
Kết luận.....	110

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam đã có rất nhiều khởi sắc và có được những bước phát triển mạnh mẽ. Đi từ một nước có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, có cơ chế quản lý bao cấp yếu kém đến nay chúng ta đang từng bước đổi mới xây dựng và phát triển một nền kinh tế tiên tiến góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong sự nghiệp phát triển đó các công ty xí nghiệp đã mạnh dạn áp dụng các chế độ hạch toán kế toán mới, những thành tựu khoa học kỹ thuật phương thức sản xuất mới vào sản xuất kinh doanh. Qua một thời gian tìm tòi hoạt động, thử sức nhiều doanh nghiệp đã đạt được những kết quả kinh doanh to lớn, đem lại nhiều lợi ích cho xã hội. Một trong những bí quyết dẫn đến thành công là doanh nghiệp phải luôn luôn đổi mới và hoàn thiện mình để thích ứng với thị trường đồng thời phải thực hiện tốt các yêu cầu, nguyên tắc quy định của nhà nước.

Trước đây và đặc biệt là bây giờ công tác kế toán trong mỗi doanh nghiệp là một yêu cầu bắt buộc cần thiết và quan trọng. Vì kế toán có vai trò là một hệ thống cung cấp thông tin tài chính và là công cụ quản lý kinh tế tài chính cho các đối tượng khác nhau, bởi vậy làm tốt công tác kế toán sẽ giúp cho các doanh nghiệp đứng vững trên thị trường.

Tài sản cố định trong doanh nghiệp chính là hình thức biểu hiện vật chất của vốn cố định vì thế doanh nghiệp muốn quản lý vốn kinh doanh của mình một cách có hiệu quả nhất thì phải thông qua đầu tư và sử dụng TSCĐ của mình. Đồng thời muốn bảo toàn và phát triển vốn cố định của mình đủ sức cạnh tranh với các đối thủ khác trong nền kinh tế thị trường thì doanh nghiệp phải biết đổi mới TSCĐ và đầu tư một cách đúng hướng để tăng năng xuất chất lượng sản phẩm. Hiện đại hoá TSCĐ và đưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào kinh doanh sẽ giảm được chi phí đầu vào và tăng hiệu quả đầu ra cho sản phẩm giúp sản phẩm cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy TSCĐ cần phải được theo dõi quản lý, tính khấu hao một cách chính xác.

2. Mục đích nghiên cứu

Là một doanh nghiệp mới thành lập nên công ty TNHH May Việt Hàn càng cần quan tâm đến công tác kế toán TSCĐ. Luôn tìm biện pháp sử dụng TSCĐ một cách có hiệu quả vào quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao. Đồng thời giúp các nhà lãnh đạo nắm bắt và quản lý được tốt vốn cố định ban đầu của công ty.

Nhận thức được vai trò quan trọng của TSCĐ cùng với việc nghiên cứu lý luận về kế toán TSCĐ và qua tìm hiểu thực trạng công tác kế toán TSCĐ ở công ty TNHH May Việt Hàn. Em mạnh dạn đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài ‘ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH May Việt Hàn***’

3. Đối tượng và phạm vi

Khóa luận nghiên cứu công tác kế toán NVL tại Công ty CP CNTT Tam Bạc. Lấy số liệu năm 2010 để minh họa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp lý luận và các phương pháp của kế toán

Kết cấu đề tài bao gồm 3 chương chính :

- ❖ **Chương 1** : Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp
- ❖ **Chương 2** : Thực trạng tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn
- ❖ **Chương 3** : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của TSCĐ

***Khái niệm.**

TSCĐ là những tư liệu lao động có đủ tiêu chuẩn theo quy định để được xếp vào TSCĐ hữu hình hoặc vô hình

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế số 16 (IAS16) tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất, cung cấp hàng hoá dịch vụ, hoặc cho các mục đích hành chính và có thời gian sử dụng nhiều hơn một kỳ kế toán được gọi là TSCĐ.

***Đặc điểm**

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh TSCĐ có đặc điểm là:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và vẫn giữ được hình thái vật chất ban đầu đến khi hư hỏng phải loại bỏ.
- Giá trị TSCĐ bị hao mòn dần với những TSCĐ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giá trị của chúng được dịch chuyển dần dần, từng phần vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động

khác: như hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án, giá trị TSCĐ bị tiêu dùng dần trong quá trình sử dụng.

Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do những đặc điểm nêu trên đòi hỏi TSCĐ phải được quản lý chặt chẽ để sử dụng hiệu quả trên cả hai phương diện: hiện vật và giá trị.

Về hiện vật, cần phải kiểm tra chặt chẽ việc bảo quản, tình hình sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp, trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng hợp lý, sửa chữa, bảo quản kịp thời.

Về mặt giá trị, phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc thu hồi vốn đầu tư ban đầu để tái sản xuất TSCĐ đã thu hồi và có phương pháp đầu tư một cách kịp thời.

1.1.2. Vai trò của TSCĐ

TSCĐ là điều kiện hình thành và duy trì hoạt động của doanh nghiệp, không có một doanh nghiệp nào hoạt động sản xuất kinh doanh mà không có TSCĐ.

Trong các doanh nghiệp may, TSCĐ luôn luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản. Do đó TSCĐ là một trong những cơ sở, tiền đề để doanh nghiệp hoạch định chiến lược và xây dựng kế hoạch sản xuất và phát triển thị trường. TSCĐ trong các doanh nghiệp là điều kiện để xác định quy mô của doanh nghiệp, xác định khả năng tận dụng lợi thế về quy mô, tăng khả năng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3. Phân loại TSCĐ

a. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện vật chất kết hợp với tính chất đầu tư

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính

*** TSCĐ hữu hình.**

TSCĐ hữu hình là các tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và có thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam , Một tư liệu lao động nếu thoả mãn đồng thời cả 4 tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- Có thời gian sử dụng từ trên 1 năm trở nên.
- Có giá trị theo quy định hiện hành (từ 10 triệu đồng trở lên).

Thuộc loại tài sản này gồm có:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của Doanh Nghiệp được hình thành sau quá trình thi công và xây dựng như nhà kho,xưởng sản xuất,cửa hàng... + Thiết bị, dụng cụ quản lý: thiết bị sử dụng trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh như thiết bị điện tử,máy tính..
- + Máy móc, thiết bị : là tất cả máy móc thiết bị sử dụng trong sản xuất kinh doanh như máy móc thiết bị động lực,máy móc thiết bị công nghệ..
- + Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm.
- + Phương tiện vận tải,truyền dẫn như ô tô,máy kéo,tàu thuyền sử dụng vận chuyển và thiết bị truyền dẫn như đường ống dẫn nước,dẫn hơi,dẫn khí..
- + Tài sản cố định khác.

***TSCĐ vô hình.**

Là những tài sản không có hình thái vật chất cụ thể nhưng xác định được giá trị và phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Thuộc loại này gồm có:

- + Quyền sử dụng đất.
- + Phần mềm máy vi tính.
- + Quyền phát hành.
- + Giấy phép, giấy chuyển nhượng quyền.

- + Bản quyền, bằng sáng chế.
- + TSCĐ vô hình khác.
- + Nhãn hiệu hàng hoá.

***TSCĐ thuê tài chính**

Là những TSCĐ mà Doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính và thoả mãn các tiêu chuẩn của thuê tài chính TSCĐ.

Theo cách phân loại này cho biết kết cấu của từng loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật Công ty có những loại TSCĐ nào, tỷ trọng của từng loại của TSCĐ chiếm trong tổng nguyên giá TSCĐ là bao nhiêu? Điều này giúp cho Công ty quản lý và sử dụng TSCĐ một cách hợp lý, xác định cụ thể thời gian hữu ích của TSCĐ để từ đó có biện pháp trích khấu hao một cách hợp lý.

b. Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành.

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành các loại sau:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn được cấp.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ liên doanh liên kết với đơn vị trong và ngoài nước.
- TSCĐ được viện trợ, biếu tặng.

Qua cách phân loại này ta biết được TSCĐ của Doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm TSCĐ

c. Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng và công dụng.

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ đang dùng.
- TSCĐ chưa dùng.
- TSCĐ không cần dùng.
- TSCĐ chờ thanh lý.

Cách phân loại này cho thấy tình hình sử dụng TSCĐ thực tế của doanh nghiệp, từ đó có phương hướng cụ thể với việc sử dụng tài sản cho hiệu quả nhất.

1.1.4. Đánh giá Tài sản cố định

Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Trong mọi trường hợp, TSCĐ phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Do vậy, việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả 3 chỉ tiêu về giá trị của TSCĐ là: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

a. Đánh giá TSCĐ theo Nguyên giá

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**** Nguyên giá TSCĐ hữu hình.***

- TSCĐ do mua sắm. Nguyên giá được xác định theo 2 trường hợp:

Nguyên giá TSCĐ mua sắm gồm giá mua thực tế phải trả (đã trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá được hưởng thuế không được hoàn lại (nếu có) cùng với các khoản phí tổn mới chi ra liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, thuế trước bạ, chi phí sửa chữa tân trang...) trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử..

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì kế toán phản ánh giá trị TSCĐ theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hoặc dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, phúc lợi , kế toán phản ánh giá trị TSCĐ theo tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.

- TSCĐ do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao: Nguyên giá là giá trị quyết toán của công trình xây dựng cùng với khoản chi phí khác có liên quan và thuế trước bạ (nếu có).

- TSCĐ do bên nhận thầu (Bên B) bàn giao: Nguyên giá là giá phải trả cho bên B cộng với các khoản phí tổn mới trước khi dùng (chạy thử, thuế trước bạ...) và trừ đi các khoản giảm giá(nếu có).

- TSCĐ hữu hình mua trả chậm.: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm được phản ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua.Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh theo kỳ hạch toán.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế:Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế cộng với chi phí lắp đặt chạy thử.

- TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc với một tài sản khác,được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về,hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi,sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

- TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến:

+ *Nếu là đơn vị hạch toán độc lập*: Nguyên giá bao gồm giá trị còn lại ghi sổ ở đơn vị cấp (hoặc giá trị thực tế của Hội đồng giao nhận) cộng với chi phí vận chuyển bốc dỡ, chạy thử (nếu có).

+ *Nếu điều chuyển giữa đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc*: Nguyên giá, giá trị còn lại và số trích hao lũy kế được ghi theo sổ của đơn vị cấp. Các phí tổn mới trước khi dùng được phản ánh vào chi phí kinh doanh mà không tính vào nguyên giá.

- TSCĐ góp vốn liên doanh, nhận tặng thưởng, viện trợ, nhận lại vốn góp liên doanh: Nguyên giá tính theo giá trị đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cùng với các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ được xác định khi tăng TSCĐ và hầu như không thay đổi trong suốt quá trình TSCĐ tồn tại ở doanh nghiệp,chỉ thay đổi trong trường hợp:

- a) Đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của nhà nước
- b) Xây lắp trang bị thêm cho TSCĐ
- c) Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng
- d) Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra.
- e) Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước
- f) Tháo dỡ một hoặc một số bộ phận của TSCĐ.

Khi thay đổi nguyên giá Doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và phải xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại, số khấu hao lũy kế để phản ánh kịp thời vào sổ sách

****Nguyên giá của TSCĐ vô hình***

Nguyên giá TSCĐ mua sắm gồm giá mua thực tế phải trả (đã trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá được hưởng) và cộng với các khoản thuế không được hoàn lại (nếu có) cùng với các khoản phí tổn mới chi ra liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, thuế trước bạ, chi phí sửa chữa tân trang...)

Trường hợp quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng biệt và được xác định là TSCĐ vô hình.

Các trường hợp còn lại hạch toán tương tự như tài sản cố định hữu hình.

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ vô hình bao gồm:

- + Chi phí thành lập doanh nghiệp
- + Chi phí đào tạo nhân viên
- + Chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Doanh Nghiệp mới thành lập
- + Chi phí cho giai đoạn nghiên cứu
- + Chi phí chuyển dịch địa điểm

Các chi phí này được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh

*** Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.**

Khi thuê dài hạn TSCĐ, bên thuê căn cứ vào các chứng cứ và các bên chứng từ liên quan do bên thuê chuyển đến để xác định nguyên giá tài sản cố định đi thuê. Nói cách khác, nguyên giá ghi sổ TSCĐ thuê dài hạn được căn cứ vào nguyên giá do bên thuê chuyển giao. Ngoài ra, bên thuê được tính vào nguyên giá TSCĐ đi thuê các chi phí phát sinh ban đầu trực tiếp liên quan đến đi thuê như các chi phí đàm phán, giao dịch...

b. Giá trị còn lại của tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng dần tạo ra giá trị hao mòn. Vậy trong quá trình sử dụng TSCĐ ngoài việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá cần phải xác định giá trị còn lại của TSCĐ

Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ - Giá trị Hao mòn lũy kế của TSCĐ

Chỉ tiêu giá trị còn lại của TSCĐ cho phép doanh nghiệp xác định số vốn đầu tư chưa thu hồi và thông qua đó để đánh giá được thực trạng về TSCĐ của đơn vị, nhờ đó ra quyết định đầu tư bổ sung, sửa chữa, đổi mới TSCĐ.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

- Tiến hành ghi chép , tính toán và phản ánh chính xác , đầy đủ , kịp thời về tình hình hiện có và sự biến động của các loại TSCĐ trong doanh nghiệp.
- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ , TK , sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp phục vụ cho việc thu nhận, hệ thống hoá, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của TSCĐ trong doanh nghiệp.
- Định kỳ và thường xuyên tham gia công tác lập kế hoạch và phân tích tình hình quản lý , sử dụng TSCĐ, sử dụng nguồn vốn khấu hao . Tham gia vào việc lập và tổ chức thực hiện dự toán đầu tư XD CB , dự toán SCL TSCĐ , tính toán và phân bổ chính xác khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ

1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ

Để đảm bảo yêu cầu quản lý TSCĐ phải tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ và thực hiện chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán và đơn vị sử dụng.

** Kế toán chi tiết TSCĐ tại nơi sử dụng và bảo quản.*

Việc theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng, bảo quản nhằm xác định và gắn trách nhiệm sử dụng và bảo quản tài sản với từng bộ phận góp phần nâng cao trách nhiệm và hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Tại nơi sử dụng, bảo quản(phòng, ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất...) sử dụng "Sổ tài sản cố định theo đơn vị sử dụng" để theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ do từng đơn vị quản lý và sử dụng. Mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ kế toán riêng, trong đó ghi thứ tự thời gian phát sinh nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ.

** Kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán doanh nghiệp.*

Tại bộ phận kế toán doanh nghiệp, kế toán sử dụng " Thẻ tài sản cố định" và "Sổ tài sản cố định toàn doanh nghiệp" để theo dõi tình hình tăng giảm, hao mòn TSCĐ.

Khi có TSCĐ tăng lên doanh nghiệp phải thành lập ban nghiệm thu kiểm nhận TSCĐ. Ban này có nhiệm vụ nghiệm thu cùng với đại diện đơn vị giao TSCĐ lập “ Biên bản giao nhận TSCĐ”.Biên bản này lập cho từng đối tượng TSCĐ.Với những TSCĐ cùng loại,giao nhận cùng một lúc,do cùng một đơn vị chuyển giao thì có thể lập chung 1 biên bản.Từ đây phòng kế toán phải sao cho mỗi đối tượng 1 bản lưu vào hồ sơ riêng.Hồ sơ chứng từ gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ,các bản sao tài liệu kế toán,các hoá đơn giấy tờ vận chuyển bốc dỡ.

Căn cứ vào hồ sơ,phòng kế toán có thể hạch toán chi tiết TSCĐ theo mẫu thống nhất theo dõi trên thẻ TSCĐ và sổ chi tiết tăng giảm TSCĐ.

- **Thẻ TSCĐ:** do kế toán lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ của doanh nghiệp. Thẻ được thiết kế thành các phần để phản ánh các chỉ tiêu giá trị TSCĐ: Nguyên

giá, đánh giá lại, giá trị còn lại. Thẻ TSCĐ được lập 1 bản và do phòng kế toán theo dõi, phản ánh diễn biến phát sinh trong quá trình sử dụng.

Toàn bộ thẻ TSCĐ được bảo quản tập trung tại hòm thẻ, trong đó chia làm nhiều ngăn để xếp thẻ theo nhóm TSCĐ, chi tiết theo đơn vị sử dụng và số hiệu tài sản. Mỗi 1 nhóm này được lập chung 1 phiếu hạch toán tăng giảm hàng tháng trong năm.

- Thẻ TSCĐ gồm 4 phần:

- + Thẻ hiện các vấn đề chung của TSCĐ đó (Năm sản xuất, nước sản xuất, số hiệu, quy cách, bộ phận quản lý sử dụng, năm đưa vào sử dụng, công suất thiết kế..)
- + Phản ánh nguyên giá TSCĐ từ khi TSCĐ xuất hiện ở doanh nghiệp, Giá trị hao mòn TSCĐ hằng năm và cộng dồn.
- + Kể các phụ tùng, dụng cụ kèm theo.
- + Phản ánh giảm TSCĐ trong đó ghi rõ lý do giảm và thời gian giảm

- **Sổ TSCĐ:** Được mở theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của các nhóm, các loại TSCĐ trong doanh nghiệp. Một sổ theo dõi chi tiết TSCĐ gồm các chỉ tiêu: Tên tài sản, đơn vị sử dụng, năm đăng ký trích khấu hao, nguyên giá TSCĐ, nguồn hình thành TSCĐ, Mức trích khấu hao ngày, tháng năm của TSCĐ.

Căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ là các chứng từ về tăng, giảm và các chứng từ gốc liên quan:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn đã hoàn thành
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan.

1.2.2.Kế toán tổng hợp TSCĐ

1.2.2.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 211: Tài sản cố định hữu hình: dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của TSCĐ hữu hình tại doanh nghiệp theo Nguyên giá (trừ TSCĐ thuê ngoài)

- Bên nợ: Các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (do xây dựng cơ bản (XDCB) hoàn thành bàn giao, do mua sắm, do nhận góp vốn liên doanh, do được cấp, biếu tặng, tài trợ, do đánh giá lại...)
- Bên có: Các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (do thanh lý, nhượng bán, đem góp vốn liên doanh, do điều chuyển cho đơn vị khác...)
- Số dư bên nợ: Nguyên giá TSCĐ hiện có ở doanh nghiệp

Tài Khoản 212 “ Tài sản cố định thuê tài chính”

- Bên nợ: NG TSCĐ thuê tài chính tăng lên
- Bên có: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm do hoàn trả hoặc mua lại
- Dư nợ: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có

Tài Khoản 213 ‘ Tài sản cố định vô hình”

- Bên nợ: Các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ vô hình
- Bên có: Các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ vô hình
- Dư nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có.

Tài khoản 214 “ Hao mòn TSCĐ”: dùng để phản ánh giá trị hao mòn

- Bên nợ: phản ánh các TSCĐ làm giảm giá trị hao mòn (thanh lý, nhượng bán...)
- Bên có: Phản ánh các tài sản làm tăng giá trị hao mòn (trích khấu hao, đánh giá tăng...)

Ngoài các tài khoản cơ bản trên kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác.

1.2.2.2. Kế toán biến động tăng TSCĐ

Trường hợp 1: Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh các nghiệp vụ:

- TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu, dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh (không phải thông qua quá trình lắp đặt)

- Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211, 213 : Nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 133 (1332) : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111, 112 : Thanh toán ngay bằng tiền

Có TK 331 : Mua chịu

- Bút toán 2: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng (kết chuyển phần nguyên giá)

+ Nếu TSCĐ được đầu tư bằng quỹ chuyên dùng

Nợ TK 414 : Nếu dùng quỹ đầu tư phát triển để đầu tư

Nợ TK 353(3532) : Nếu dùng quỹ phúc lợi

Nợ TK 441 : Nếu dùng nguồn vốn XD CB để đầu tư

Có TK 411 : TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Nếu TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh thì không phải ghi Bút toán kết chuyển nguồn vốn.

- TSCĐ hữu hình tăng do mua sắm bằng quỹ phúc lợi dùng cho hoạt động phúc lợi công cộng(không phải thông qua quá trình lắp đặt)

Bút toán 1: ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211, 213

Có TK 111, 112, 331 : Tổng giá thanh toán bao gồm cả VAT đầu vào

Bút toán 2: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng

Nợ TK 3532 : Ghi giảm quỹ phúc lợi

Có TK 3533 : Ghi tăng quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

- TSCĐ tăng do mua sắm từ nguồn nhập khẩu

Bút toán 1: Phản ánh giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá giao dịch

Nợ TK 211, 213 : Giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá giao dịch

Nợ (Có) TK 635 (515) : Lỗ hoặc lãi +- tỉ giá

Có TK 1112, 1122 : Giá nhập khẩu TSCĐ theo tỉ giá xuất ngoại tệ.

Bút toán 2: Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp vào Nguyên Giá TSCĐ (Giá tính thuế nhập khẩu là giá nhập khẩu)

Nợ TK 211, 213

Có TK 333 (3333) : Thuế nhập khẩu.

Bút toán 3: Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu phải nộp

Nợ TK 211, 213

Có TK 3332.

Bút toán 3: Phản ánh thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu

Nợ TK 133 (1332)

Có TK 333 (33312)

- TSCĐ tăng do mua sắm phải thông qua lắp đặt chạy thử trong thời gian dài

Bút toán 1: Tập hợp chi phí mua sắm, lắp đặt chạy thử..

Nợ TK 241 (2411) : Tập hợp chi phí thực tế

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331, 341 :

Bút toán 2: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng

Nợ TK 211

Có TK 241 (2411)

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn giống như TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu

- TSCĐ tăng do mua sắm theo phương thức trả góp

Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá và lãi trả góp

Nợ TK 211, 213 : Nguyên Giá (Ghi theo giá mua trả tiền ngay)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 242 : Chi phí trả trước dài hạn(phần lãi trả chậm)

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

Bút toán 2: Định kỳ:

+ Thanh toán tiền cho người bán (bao gồm cả gốc và lãi trả chậm)

Nợ TK 331

Có TK 111,112

+ Phân bổ lãi trả chậm, trả góp vào chi phí

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có TK 242 : Chi phí trả trước dài hạn

- TSCĐ tăng do mua sắm theo hình thức trao đổi
- Trường hợp 1: Giá trị trao đổi bằng nhau (trao đổi với TSCĐ tương tự, không tạo doanh thu)

Khi nhận TSCĐ đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Nợ TK 211, 213 : Nguyên Giá TSCĐ nhận về(ghi theo giá trị còn lại của tài sản đem đi trao đổi)

Nợ TK 214 : Hao mòn lũy kế của tài sản đem đi

Có TK 211 : Nguyên Giá của tài sản đem đi

- Trường hợp 2: Giá trị trao đổi không bằng nhau

Bút toán 1: Ghi giảm nguyên giá TSCĐ đem trao đổi

Nợ TK 811 : Giá trị còn lại của tài sản đem trao đổi

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn lũy kế

Có TK 211, 213 : Giảm Nguyên giá tài sản đem trao đổi

Bút toán 2: Phản ánh thu nhập do trao đổi TSCĐ

Nợ TK 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 711 : Giá trao đổi theo thoả thuận

Có TK 33311 : Thuế GTGT đầu ra (nếu có).

Bút toán 3: Ghi tăng TSCĐ nhận về do trao đổi

Nợ TK 211, 213 : Nguyên Giá của tài sản nhận về (giá trao đổi)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 131 : Tổng giá thanh toán

Bút toán 4: Phản ánh số tiền thu thêm do giá trị hợp lý của tài sản đem đi > giá trị hợp lý của tài sản nhận về

Nợ TK 111,112 : Số tiền đã thu thêm

Có TK 131 :

Bút toán 5: Phản ánh số tiền trả thêm do giá trị hợp lý của tài sản đem đi < giá trị hợp lý của tài sản nhận về.

Nợ TK 131 : Số tiền đã trả thêm

Có TK 111,112.

- TSCĐ tăng do đánh giá lại TSCĐ

Bút toán 1: Phản chênh lệch tăng nguyên giá

Nợ TK 211, 213

Có TK 412

Bút toán 2: Phản chênh lệch giá trị hao mòn (nếu có)

Nợ TK 412

Có TK 214

- TSCĐ tăng do doanh nghiệp tự xây dựng

Bút toán 1: Tập hợp các chi phí phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Nợ TK 2412:

Nợ TK 133

Có TK 111,112,152,214,331,334...

Bút toán 2: Khi XDCB hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh, căn cứ vào quyết toán XDCB được duyệt, kế toán ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211

Có TK 2412

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn giống như TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn chủ sở hữu

- TSCĐ tăng do nhận biếu tặng, nhận tài trợ

Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá:

Nợ TK 211, 213

Có TK 711 : Thu nhập khác

Bút toán 2: Phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến TSCĐ được biếu tặng, được tài trợ

Nợ TK 211, 213

Có TK 111, 112, 331

- TSCĐ tăng do được cấp vốn, được điều chuyển từ đơn vị khác đến

Nợ TK 211, 213

Có TK 411

- TSCĐ hữu hình tăng do phát hiện thừa qua kiểm kê (thực tế > sổ sách)

Bút toán 1: Bổ sung tăng nguyên giá

Nợ TK 211, 213 : Nguyên giá

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 111, 331...

Bút toán 2: Bổ sung tăng giá trị hao mòn

Nợ TK 627, 641, 642 : tính bổ sung khấu hao đối với TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Nợ TK 353(3531), 466 : tính bổ sung khấu hao đối với TSCĐ dùng vào hoạt động phúc lợi, hoạt động sự nghiệp, hoạt động dự án

Có TK 214

Bút toán 3: Kết chuyển nguồn vốn tương ứng

Nếu thừa chưa rõ nguyên nhân, trong thời gian chờ xử lý, kế toán ghi

Nợ TK 211, 213 : Nguyên giá

Có TK 214 : Giá trị hao mòn (nếu là TSCĐ đã qua sử dụng)

Có TK 338 (3381): Giá trị còn lại

Trường hợp 2: Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

hoặc thuế GTGT đầu vào của TSCĐ mua về không được khấu trừ (do TSCĐ dùng vào hoạt động sự nghiệp, hoạt động phúc lợi, chương trình, dự án, hoạt động SXKD mặt hàng không thuộc diện chịu thuế GTGT) thì Nguyên Giá của TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT đầu vào. Vì vậy kế toán không còn sử dụng tài khoản 133

1.2.2.3. Kế toán biến động giảm TSCĐ

- TSCĐ giảm do nhượng bán

Bút toán 1: Xóa sổ Nguyên Giá TSCĐ nhượng bán (căn cứ vào Biên Bản giao nhận TSCĐ)

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn

Nợ TK 811 : Giá trị còn lại đưa vào chi phí khác

Có TK 211, 213 : Nguyên giá

Bút toán 2: Phản ánh doanh thu về nhượng bán (căn cứ vào hoá đơn)

Nợ TK 111, 112, 131...: Tổng giá thanh toán

Có TK 711 : Doanh thu nhượng bán chưa có thuế GTGT

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra (nếu có)

Bút toán 3: Phản ánh các chi phí liên quan đến nhượng bán

Nợ TK 811 : Tập hợp chi phí liên quan đến nhượng bán

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK liên quan : 111, 112, 331, 152..

- TSCĐ giảm do thanh lý

Bút toán 1: Xóa sổ Nguyên Giá TSCĐ: Kế toán ghi tương tự như nhượng bán

Bút toán 2: Phản ánh số thu hồi về thanh lý

Nợ TK 111,112 : Thu bằng tiền
Nợ TK 152,153 : Phế liệu thu hồi nhập kho
Nợ TK 131,138 : Bán chịu
Có TK 711 : Thu nhập về thanh lý
Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra (nếu có)

Bút toán 3: Tập hợp chi phí liên quan đến thanh lý (tự làm hoặc thuê ngoài)

Nợ TK 811 : Tập hợp chi phí liên quan đến thanh lý
Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)
Có TK liên quan : 111,112,331,152..

- TSCĐ giảm do phát hiện thiếu qua kiểm kê (Trường hợp đối với TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thiếu chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý)

Bút toán 1: Phản ánh nguyên giá TSCĐ bị thiếu chờ xử lý

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn
Nợ TK 138 (1381) : Giá trị thiếu chờ xử lý (Giá trị còn lại)
Có TK 211, 213 : Nguyên giá

Bút toán 2: Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào biên bản, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,1388,334,811...
Có TK 138(1381)

- TSCĐ giảm do mang đi góp vốn

TSCĐ mang đi góp vốn, do không thuộc quyền sử dụng của Doanh nghiệp nữa, nên được coi như khấu hao hết giá trị 1 lần. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp được chấp thuận với giá trị còn lại trên sổ kế toán được hạch toán vào TK 811 hoặc TK 711, kế toán ghi:

Nợ TK 128 : Giá trị vốn góp được chấp thuận (Góp ngắn hạn)
Nợ TK 222,223,228: Giá trị vốn góp được chấp thuận (Góp dài hạn)
Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn lũy kế (nếu có)
Nợ (Có) TK 811 (711) : Chênh lệch đánh giá lại
Có TK 211, 213 : Nguyên giá

- TSCĐ giảm do trả lại vốn góp

Doanh nghiệp trả lại vốn góp khi hết hạn hợp đồng liên doanh, liên kết hoặc khi các bên tham gia rút vốn về

Bút toán 1: Xóa sổ Nguyên giá TSCĐ đã trả cho bên tham gia góp vốn

Nợ TK 411 : Giá trị còn lại

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn

Có TK 211, 213 : Nguyên giá

Bút toán 2: Thanh toán nốt số vốn góp còn lại do giá thỏa thuận của TSCĐ trao trả nhỏ hơn tổng số vốn đã góp của bên tham gia

Nợ TK 411 : Chi tiết vốn góp

Có TK 111, 112 : Trả lại bằng tiền

Có TK 711: Số phạt vi phạm hợp đồng trừ vào số vốn góp phải trả

Bút toán 3

Nợ TK 214 : Giá trị hao mòn lũy kế

Nợ TK 623, 627, 641, 642 : Giá trị còn lại nhỏ được tính hết vào chi phí

Nợ TK 142, 242 : Giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần

Có TK 213 : Nguyên giá.

1.2.3. Hao mòn và khấu hao TSCĐ

1.2.3.1. Khái niệm

Trong quá trình sử dụng, do nhiều nguyên nhân khác nhau TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn. Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do các TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

Đối với những TSCĐ được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phần giá trị hao mòn của chúng được chuyển dịch vào giá trị của sản phẩm hàng hoá dịch vụ được sáng tạo ra phần giá trị hao mòn đó được gọi là giá trị khấu hao TSCĐ.

Như vậy, về bản chất, giá trị hao mòn TSCĐ chính là phần giá trị TSCĐ bị hao mòn và dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian sử dụng của TSCĐ.

Mọi tài sản cố định hiện có của Doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao đưa vào chi phí theo quy định hiện hành.

+) Khấu hao đối với TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

+) Khấu hao đối với TSCĐ chưa dùng, không cần dùng hoặc đang chờ thanh lý được hạch toán vào chi phí khác

Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm

Doanh nghiệp không được tính và trích khấu hao đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

Đối với những TSCĐ chưa khấu hao hết nhưng đã bị hỏng thì Doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân để quy trách nhiệm đền bù hoặc tính vào chi phí khác phần Giá trị còn lại

Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án hoặc dùng vào mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao mà chỉ tính hao mòn TSCĐ vào cuối năm.

Những TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao, bao gồm:

- TSCĐ thuộc dự trữ Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý hộ, giữ hộ.
- TSCĐ phục vụ các hoạt động phúc lợi trong doanh nghiệp như nhà trẻ, câu lạc bộ, nhà truyền thống, nhà ăn.... được đầu tư bằng quỹ phúc lợi.
- TSCĐ phục vụ nhu cầu chung toàn xã hội, Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý.
- TSCĐ khác không tham gia vào hoạt động kinh doanh.

Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (Theo hợp đồng, cam kết, quyết định của cấp có thẩm quyền). Riêng đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất xác định được thời hạn sử dụng. Nếu không xác định được thì không trích khấu hao

Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi vốn.

1.2.3.2. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Theo phương pháp này, số khấu hao hằng năm không đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{khấu hao bình} \\ \text{quân năm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng} \\ \text{(năm)}}$$

1.2.3.3. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Theo phương pháp này số khấu hao hằng năm giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{Hằng năm của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Tỉ lệ khấu hao nhanh} \end{array}$$

Tỉ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỉ lệ khấu hao} \\ \text{nhanh (\%)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỉ lệ khấu hao TSCĐ theo} \\ \text{phương pháp đường thẳng} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Hệ số điều chỉnh} \end{array}$$

Tỉ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng:

$$\begin{array}{l} \text{Tỉ lệ khấu hao} \\ \text{theo phương pháp} \\ \text{đường thẳng} \end{array} = \frac{1}{\begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array}} * 100$$

- Hệ số điều chỉnh được xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

1.2.3.4. Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{tháng của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm sản} \\ \text{xuất thực tế trong tháng} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho 1} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân tính cho 1 đơn vị} \\ \text{sản phẩm}}{\text{S}_i} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Tổng sản lượng theo} \\ \text{công suất thiết kế}}$$

1.2.3.5. Thời gian tính khấu hao

Thời gian tính khấu hao phụ thuộc vào thời gian sử dụng của TSCĐ. Có nhiều cách xác định thời gian sử dụng của TSCĐ

- Với TSCĐ hữu hình còn mới, khung thời gian sử dụng TSCĐ theo Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính.
- Với TSCĐ đã qua sử dụng:

$$\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ mới cùng loại hoặc tương đương trên thị trường}} \times \text{Giá bán của TSCĐ mới cùng loại hoặc tương đương trên thị trường}$$

Khấu hao trích trong tháng liên quan tới nhiều đối tượng sử dụng do vậy, căn cứ phản ánh vào từng đối tượng chịu chi phí khấu hao TSCĐ, kế toán lập "Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ".

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ: Dùng để phản ánh số khấu hao TSCĐ phải trích và phân bổ số khấu hao đó cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hàng tháng.

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ chia thành các cột dọc và cột ngang

- + Cột dọc: phản ánh số khấu hao phải tính cho từng đối tượng sử dụng TSCĐ (như bộ phận sản xuất- TK 623,627, cho bộ phận bán hàng- TK 641, cho bộ phận quản lý doanh nghiệp- TK 642...)

- + Cột ngang: phản ánh số khấu hao tính trong tháng trước, số khấu hao tăng, giảm và số khấu hao phải tính trong tháng này.

Cách lập: - Dòng khấu hao đã tính tháng trước lấy từ bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng trước.

- Các dòng số khấu hao TSCĐ tăng,giảm tháng này được phản ánh chi tiết cho từng TSCĐ có liên quan đến số tăng giảm khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định hiện hành về khấu hao TSCĐ

- Dòng số khấu hao phải tính tháng này được tính bằng (=) số khấu hao tính tháng trước cộng (+) với số khấu hao tăng,trừ (-) số khấu hao giảm trong tháng

1.2.3.6. Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ

- Định kỳ (tháng,quý,năm) căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao,kế toán tiến hành trích khấu hao đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 623 (6234):Khấu hao máy thi công(Doanh Nghiệp xây lắp)

Nợ TK 627 (6274) : Khấu hao TSCĐ phục vụ phân xưởng

Nợ TK 641 (6414) : Khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng

Nợ TK 642 (6424) : Khấu hao TSCĐ phục vụ Quản lý DN

Nợ TK 241 (2412) : Khấu hao TSCĐ phục vụ Xây dựng cơ bản

Nợ TK 811 : Khấu hao TSCĐ chưa dùng,chờ thanh lý

Có TK 214 : Số khấu hao TSCĐ phải trích kỳ này.

- Phản ánh số vốn khấu hao phải nộp hoặc đã nộp cho đơn vị cấp trên

Nợ TK 411

Có TK 111,112,336 : Số khấu hao phải nộp hoặc đã nộp cấp trên

- Cuối năm tài chính,kế toán phải xác định giá trị hao mòn của TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (như TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp,dự án,phúc lợi)

Nợ TK 353 : Hao mòn TSCĐ dùng cho hoạt động văn hoá,phúc lợi

Nợ TK 466 : Hao mòn TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp,dự án

Có TK 214 : Số hao mòn TSCĐ năm nay

1.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Là việc sửa chữa nhỏ, mang tính duy tu bảo dưỡng thường xuyên TSCĐ. Do khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh được tính thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Nợ TK 627, 641, 642..

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào (Nếu thuê ngoài)

Có TK 111, 112...

Sửa chữa lớn TSCĐ: là việc cải tạo thay thế những bộ phận TSCĐ bị hư hỏng trong quá trình sử dụng hoặc xây lắp, trang bị bổ sung thêm một số bộ phận của TSCĐ. Do khối lượng công việc sửa chữa nhiều nên chi phí sửa chữa thường khá cao, thời gian sửa chữa thường kéo dài

+) *Trường hợp doanh nghiệp tự làm*

- Tập hợp chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hữu hình

Nợ TK 241 (2413)

Nợ TK 133 (1332)

Có TK 111, 112 152...

- Khi công việc sửa chữa, nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng sau - Nếu thoả mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo quy định về chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu:

Nợ TK 211

Có TK 241 (2413).

- Nếu không thoả mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo quy định về chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu:

Nợ TK 335 : Trường hợp đã trích trước chi phí Sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 623, 627, 641, 642: Giá trị sửa chữa nhỏ tính vào chi phí trong kỳ

Nợ TK 142: Giá trị Sửa chữa lớn nhỏ phải phân bổ dần trong 1 năm

Nợ TK 242 : Giá trị Sửa chữa lớn lớn phải phân bổ trên 1 năm

Có TK 241 (2413) : Kết chuyển chi phí Sửa chữa lớn TSCĐ

+) Trường hợp doanh nghiệp thuê ngoài

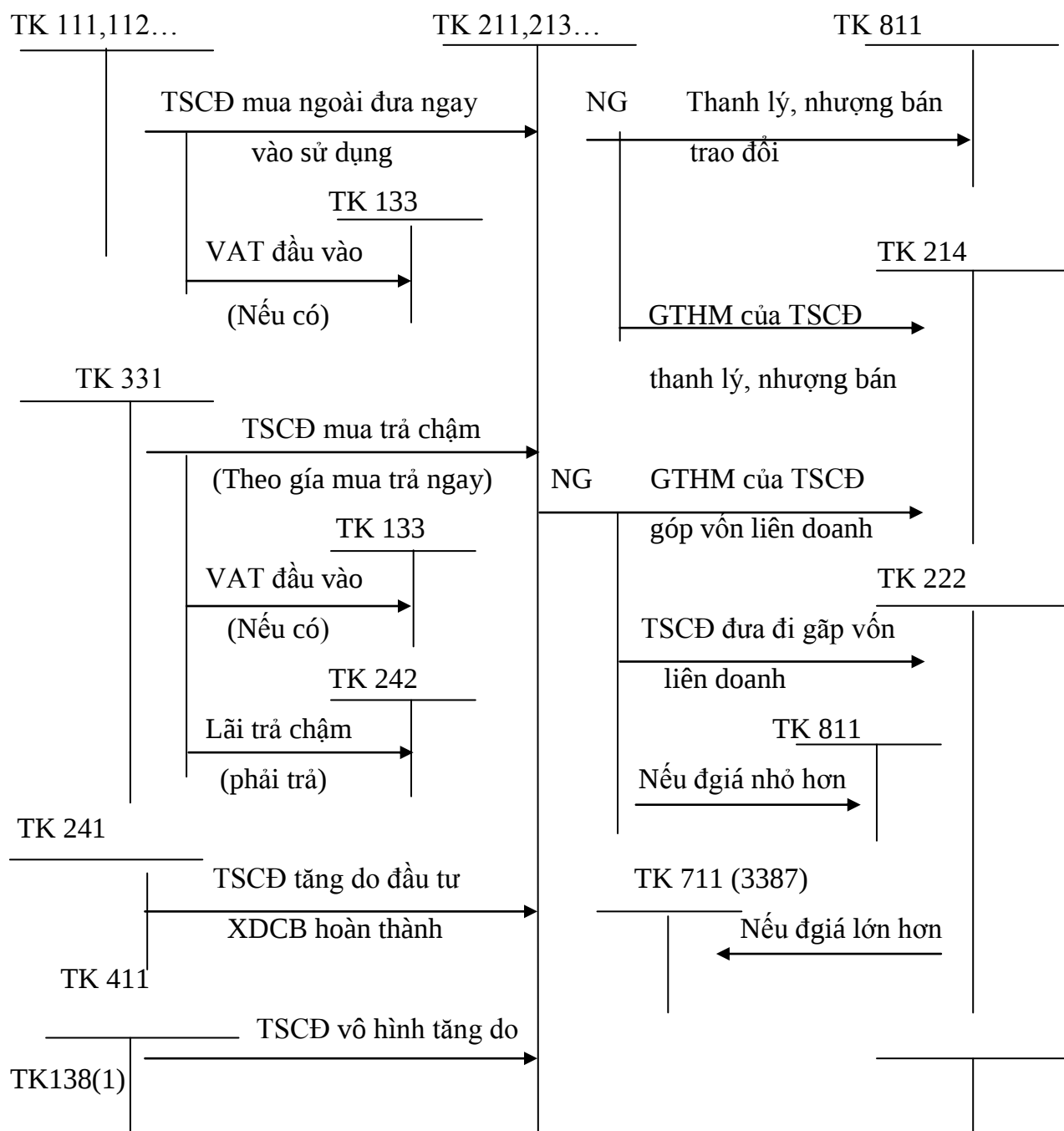
- Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành do bên nhận thầu bàn giao, căn cứ vào biên bản nghiệm thu, hoá đơn và các chứng từ liên quan:

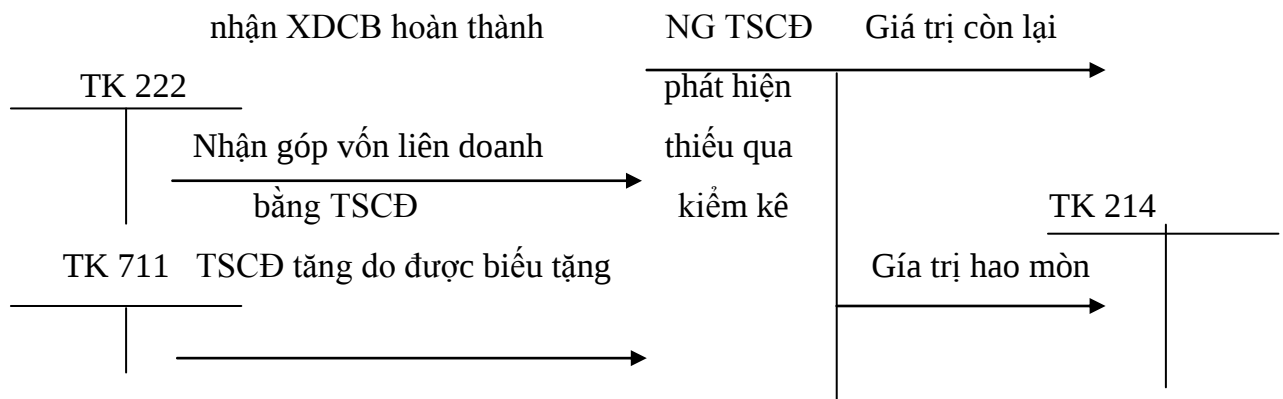
Nợ TK 241 (2413)

Có TK 133 (1332)

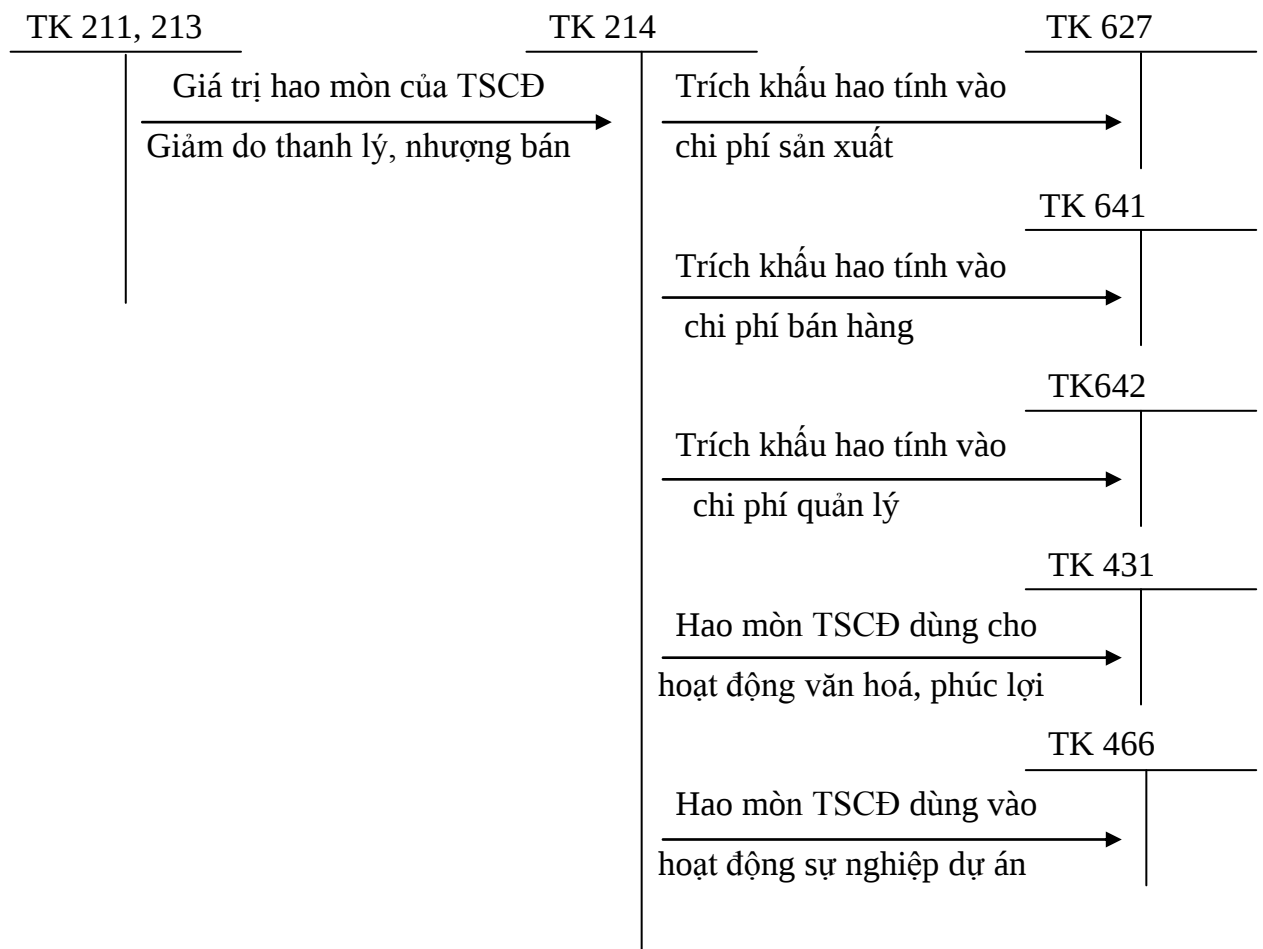
Có TK 331

SƠ ĐỒ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH, VÔ HÌNH

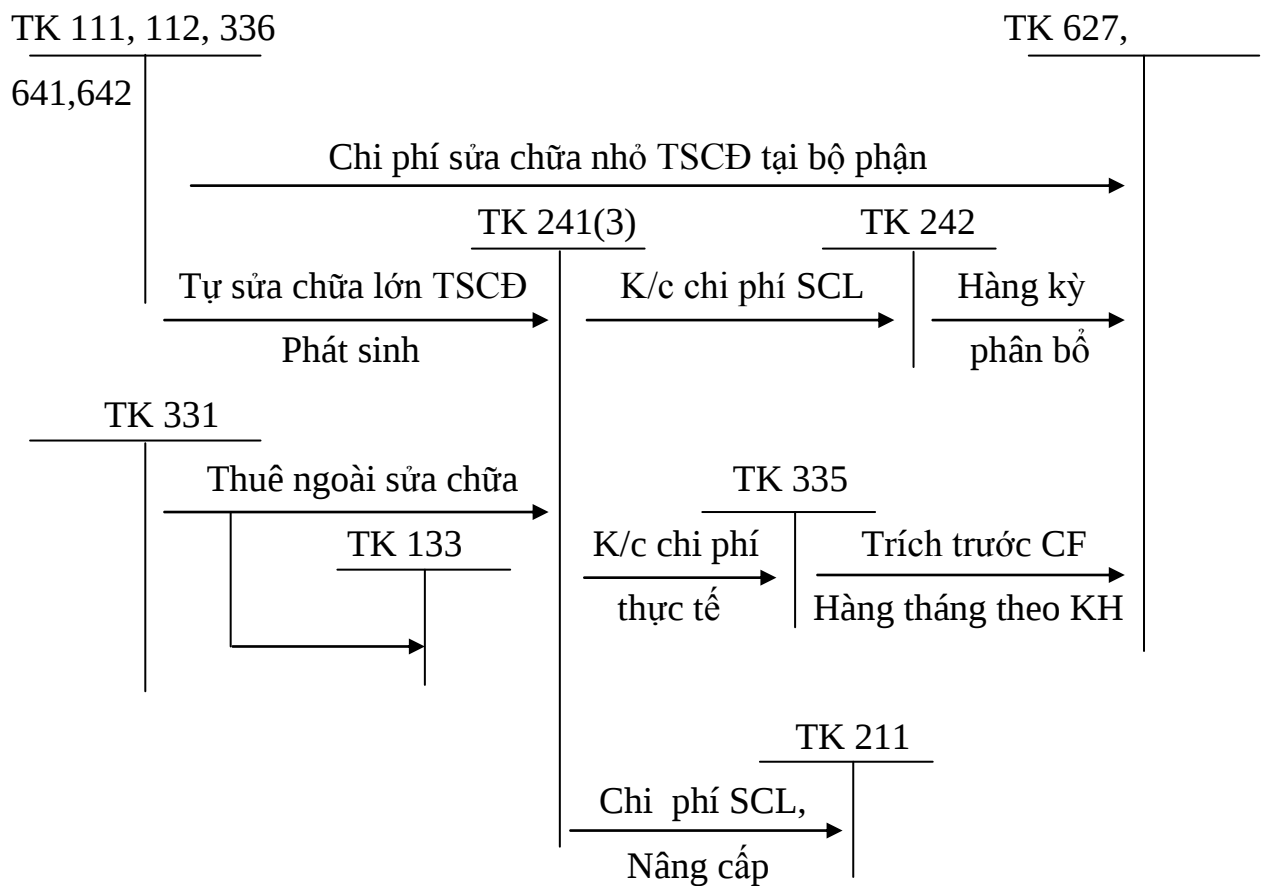




SƠ ĐỒ 1.2: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



SƠ ĐỒ 1.3 :SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN SỬA CHỮA LỚN TSCĐ



1.3 Các hình thức kế toán

Sổ sách kế toán là sổ dùng để ghi chép, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu từ các chứng từ ban đầu, nhằm cung cấp những chỉ tiêu cần thiết cho việc lập các báo cáo kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định.

Theo chế độ kế toán hiện hành, sổ sách kế toán gồm:

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

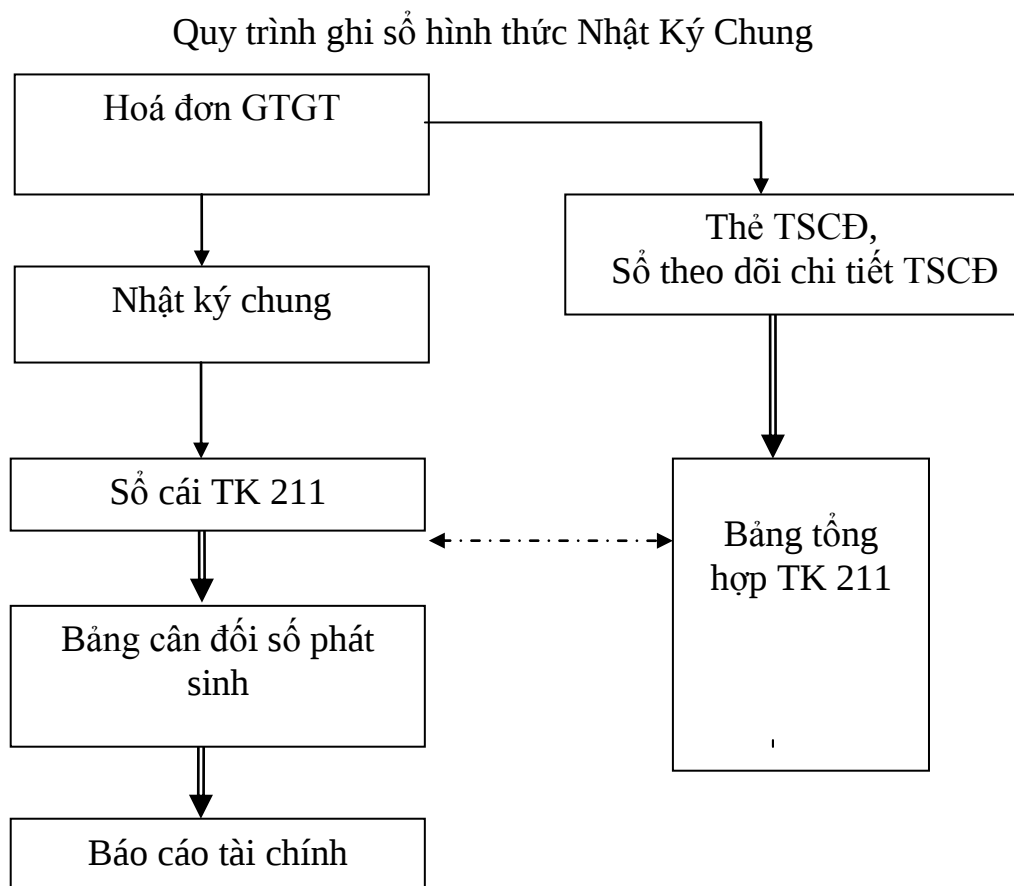
- **Đặc điểm:** Sổ nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, số liệu ghi trên nhật ký sổ cái được làm căn cứ ghi vào sổ cái.
- **Sổ sách:** Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- **Trình tự ghi sổ:** Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.4



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2 Hình thức chứng từ ghi sổ

- **Đặc điểm:** Đây là hình thức kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với ghi sổ theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

- **Sổ sách:** Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ thẻ kế toán chi tiết. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

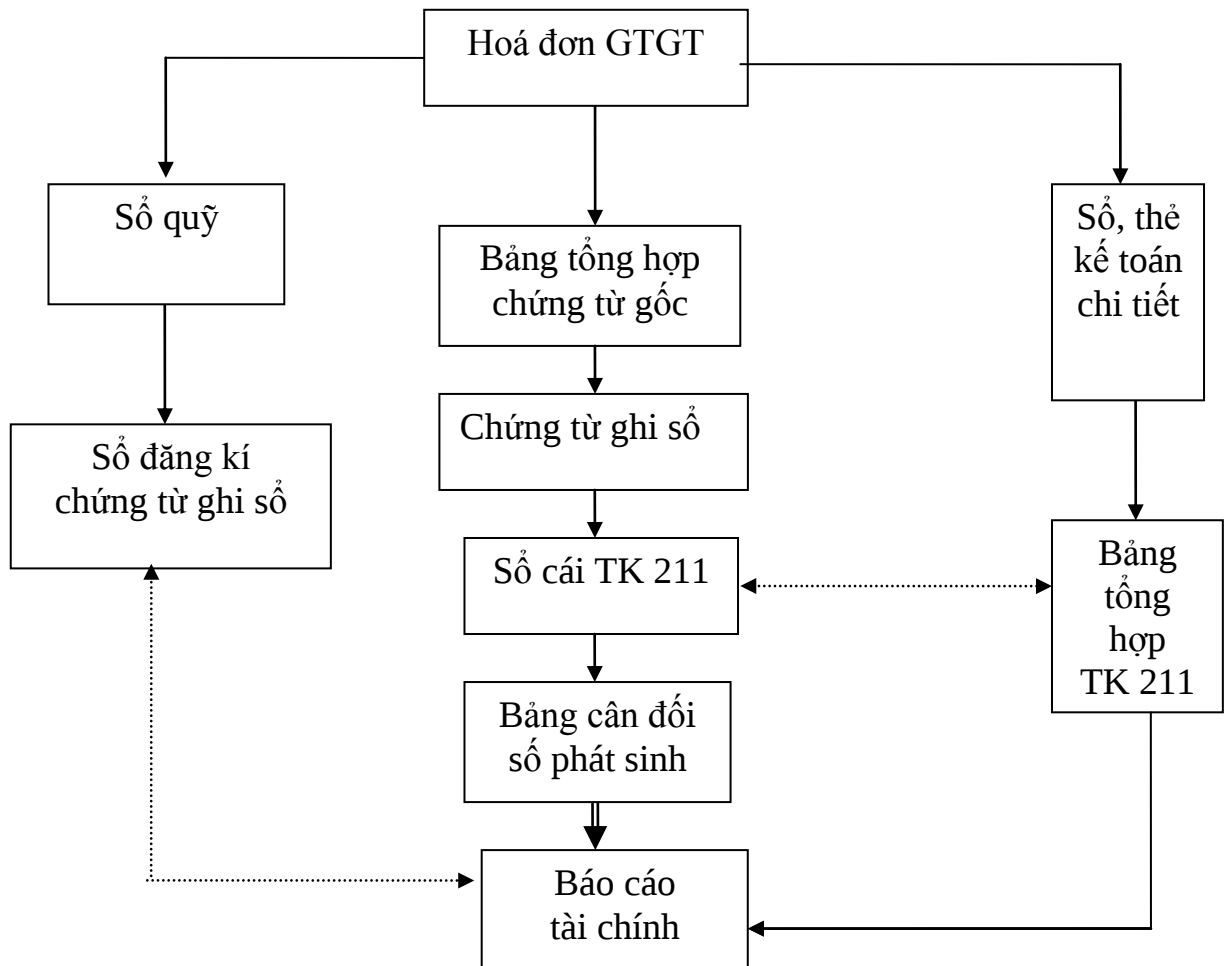
- **Trình tự ghi sổ :** Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.5

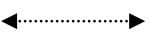
QUY TRÌNH GHI SỔ HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng 

Đối chiếu , kiểm tra 

1.3.3 Hình thức Nhật ký – Sổ cái

- **Đặc điểm** : Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- **Sổ sách** : Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

- **Trình tự** : Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập..) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

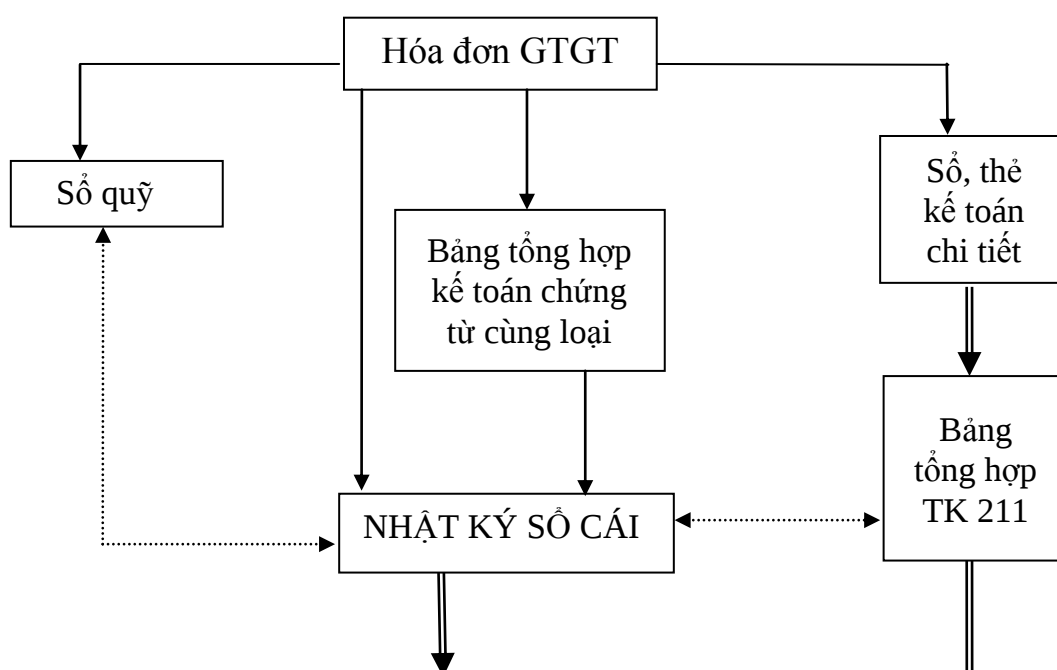
Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6

Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

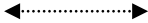


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng 

Đối chiếu, kiểm tra 

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ :

- Đặc điểm :

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- **Sổ sách** : Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

- **Trình tự** : Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, số chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, số chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

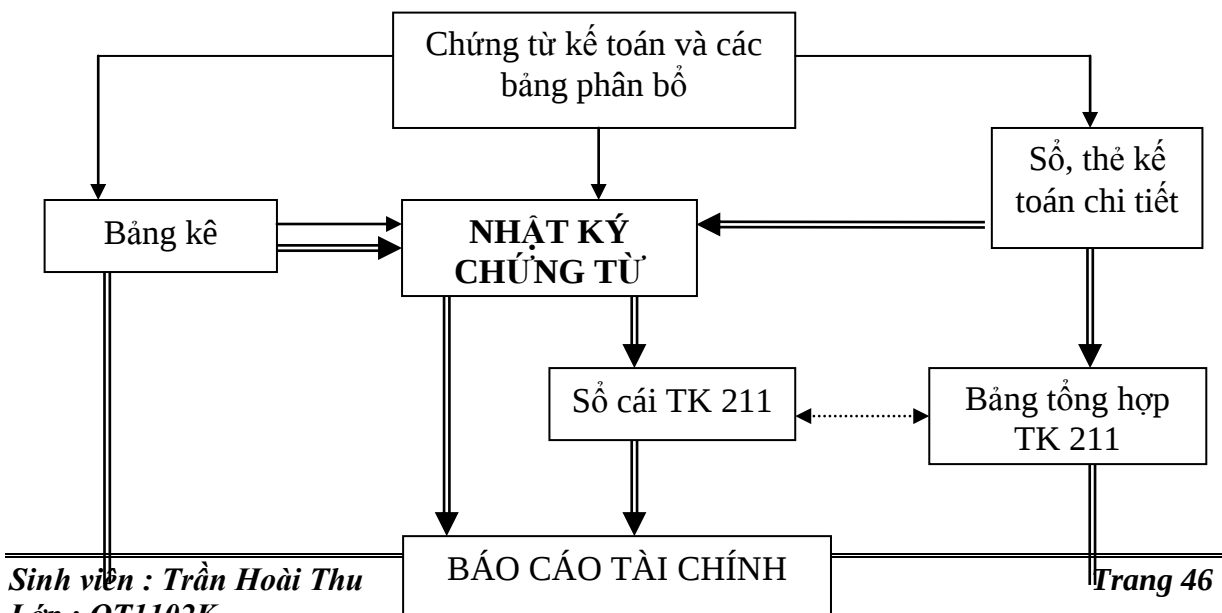
Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7

Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu , kiểm tra	↔

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính :

- **Đặc điểm** : Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.
- **Sổ sách** : Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.
- **Trình tự** : Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác,

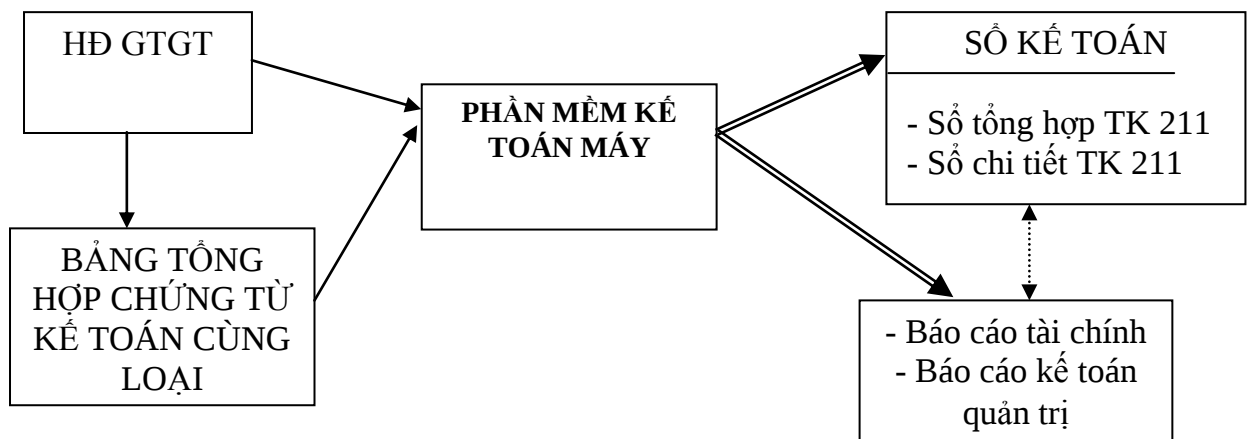
trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.8.

Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH May Việt Hàn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH May Việt Hàn

Công ty TNHH May Việt Hàn được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 03202200006 ngày 18/10/2006 của uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Tên đơn vị : Công ty TNHH May Việt Hàn
- Tên giao dịch quốc tế: Garviha co., ltd
- Mã số thuế: 0200561813
- Địa chỉ trụ sở: Xã Đại Đồng - Huyện Kiến Thụy - Tp Hải Phòng.

Công ty TNHH May Việt Hàn được thành lập trên cơ sở công ty liên doanh May Việt Hàn, sau khi đối tác Việt Nam trong liên doanh nhượng lại vốn đầu tư cho các đối tác nước ngoài.

Công ty TNHH May Việt Hàn là một doanh nghiệp thành lập từ tháng 9 năm 2003.

Nhận thấy việc cần thiết phải thành lập công ty dệt may hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu kinh tế, công nghiệp hiện đại hoá, đáp ứng tạo công ăn việc làm cho người lao động và tạo ra lợi nhuận cho công ty. Góp phần đa dạng hoá sản phẩm ngành công nghiệp cho thành phố Hải Phòng, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chung của đất nước.

Xét đơn đăng ký cấp giấy phép đầu tư và hồ sơ dự án do công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng và các cá nhân mang quốc tịch Hàn Quốc nộp ngày 08/09/2003.

Căn cứ quyết định số 386/TTG ngày 07 năm 1997 của thủ tướng chính phủ về việc cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Công ty TNHH May Việt Hàn gọi tắt là ‘Công ty’, là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư của nước ngoài được thành lập tại Việt Nam. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

-Vốn điều lệ của công ty : 500.000 USD

Trong đó:

Ông Lee Jae Hwan, quốc tịch Hàn Quốc, hộ chiếu số: 6952867 cấp ngày 26/06/2000 tại Hàn Quốc, địa chỉ: Phòng 309 Sanhoapt.2 Changjeon – dong, Icheon city, Kyungki do góp: 250.000 USD chiếm 50% vốn điều lệ bằng máy móc thiết bị và tiền mặt.

Ông Oh Soo Kil, quốc tịch Hàn Quốc, số hộ chiếu JR2866598 cấp ngày 16/09/2004 tại Hàn Quốc, địa chỉ: phòng 1706 Sam cheil bldg 702-2 Youksam Dongkangnam – Ku, seoul, Hàn Quốc góp: 250.000 USD chiếm 50% vốn điều lệ là máy móc thiết bị và tiền mặt.

Thời gian hoạt động được 5 năm kể từ ngày 10/9/2003.

Công ty đã xác định mục tiêu kinh doanh là sản xuất các sản phẩm may mặc chất lượng cao để xuất khẩu ra nước ngoài sang các nước Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada..), các nước EEC (Đức, Pháp...). Để thực hiện mục tiêu trên công ty đã tiến hành xây dựng lắp đặt và vận hành một nhà máy sản xuất các sản phẩm

may mặc với 12 dây chuyền hiện đại và số lượng công nhân viên toàn nhà máy là 1600 người.

Hiện nay doanh nghiệp được coi là doanh nghiệp vừa.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH May Việt Hàn

*** Chức năng:**

- Công ty TNHH May Việt Hàn với chức năng hoạt động đa dạng trong đó chủ yếu là sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc xuất khẩu có phạm vi trong và ngoài nước.

- Giá bán của công ty là giá thoả thuận bằng hợp đồng giữa hai bên với nhau.

- Công ty là một đơn vị hạch toán độc lập, nên tự chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật.

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, tổ chức hạch toán quản lý tốt và kinh doanh có lãi trên nguyên tắc bảo toàn và đảm bảo chất lượng.

- Chấp hành tốt pháp luật của nhà nước và các quy định của Bộ Tài Chính, quản lý và sử dụng lao động, tiền vốn, cơ sở vật chất một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

- Để thực hiện các nhiệm vụ đề ra thì các bộ phận của công ty đã ra sức xây dựng và đã đổi mới cho phù hợp với các quy định của Bộ Tài Chính đề ra nhằm khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và thế mạnh của đơn vị,

- Thực hiện tốt các chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, không ngừng nâng cao các mặt cho cán bộ, nhân viên trong công ty, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ quản lý tài sản tài chính, lao động, tiền lương do công ty quản lý. Làm tốt công tác bảo hộ an toàn lao động, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa, bảo vệ an ninh quốc phòng.

*** Ngành nghề SXKD:** Sản xuất các sản phẩm may mặc và kinh doanh mặt hàng do công ty sản xuất ra.

*** Quy trình SXSP của công ty TNHH May Việt Hàn:**

- Đàm phán và ký hợp đồng gia công, lựa chọn đơn hàng dòng sản phẩm
- Nhập nguyên phụ liệu từ nước ngoài như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, skilanka....., tổ chức sx, hoàn chỉnh và kiểm định c/lượng, xuất hàng.

- Tìm kiếm đối tác từ nước ngoài: Lựa chọn dòng sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của nhà máy, đàm phán về giá cả, số lượng đơn hàng, thị trường xuất khẩu.

- Làm hồ sơ xin giấy phép nhập khẩu nguyên phụ liệu máy móc, “nếu cần” đối với một số mặt hàng theo qui định của các bộ ngành liên quan.

- Nhận các tài liệu kỹ thuật về mẫu mã từ phía đối tác.

- Bộ phận tạo mẫu giao các sơ đồ dựa theo các tài liệu kỹ thuật đã nhận từ nước ngoài.

- Các giấy tờ có liên quan về nhập khẩu nguyên phụ liệu như: B/L, Invoice, packing list.

- Làm thủ tục nhập khẩu đồng bộ nguyên phụ liệu từ nước ngoài cho hợp đồng đã ký về nhà máy.

- Tổ chức sản xuất như : Phân đồng bộ nguyên phụ liệu tại kho nhập chia theo mã hàng cho từng đơn vị một. Chuyển nguyên phụ liệu sang bộ phận cắt,

bộ phận thu phát nhận đồng bộ từ kho nguyên phụ liệu và bộ phận cắt gọn lại và giao cho các dây chuyền may theo đúng tiến độ và kế hoạch. Các chuyên may chịu trách nhiệm may theo đúng mẫu đã định sau đó giao lại cho bộ phận hoàn thiện. Tại khâu này bộ phận được hiệu chỉnh lại các lỗi nhỏ, cắt bỏ các chi tiết thừa, hoàn thiện cúc, ore.. là hơi đóng gói xếp thành phẩm tại kho hậu chỉnh chờ kiểm định lần cuối do phía đối tác nước ngoài kiểm.

Sau khi đã kiểm xong nếu thành phẩm đạt yêu cầu, đủ tiêu chuẩn xuất thì chuyển sang kho thành phẩm chờ xuất. Nếu thành phẩm sau khi kiểm định không đạt thì có biện pháp khắc phục như chế tác lại từng bộ phận bị lỗi.

- Phòng xuất nhập khẩu liên hệ với phía đối tác và xuất thành phẩm.

*** Thị trường sản phẩm của công ty chủ yếu là:** Hàn Quốc, Đài Loan, Srilanka, Mỹ, Trung Quốc, Hồng Kông...

*** Do công ty là chuyên gia công các sản phẩm may mặc** mà nguyên phụ liệu chính là nhập từ khách hàng nước ngoài về nên nhà cung cấp chủ yếu của công ty chính là các khách hàng thường xuyên như: Suhyang, Hankyung, Linkmax, Yungarment, Kum Young Mof....

*** Quan hệ của đơn vị với các bên liên quan:**

- Cơ quan thuế : Công ty là công ty có vốn đầu tư nước ngoài nên trực tiếp trực thuộc tổng cục thuế Hải Phòng quản lý.

- Ngân hàng: Công ty thường giao dịch chính với ngân hàng là ngân hàng TMCP quân đội chi nhánh Hải Phòng.

*** Mô hình tổ chức sản xuất của công ty:**

- Chuyên môn hoá toàn bộ dây chuyền công nghệ từ đầu vào nguyên phụ liệu cho đến đầu ra thành phẩm, được chia thành các bộ phận chính như sau: Bộ phận may, các bộ phận phụ trợ, tạo mẫu, cắt, thu phát, QC, hoàn thiện, hậu chỉnh đóng gói, xuất hàng

Tất cả các bộ phận trên đều chịu sự quản lý chặt chẽ của các tổ trưởng, tổ phó chịu trách nhiệm về phần việc của mình dưới sự giám sát của các chuyên gia nước ngoài theo phương châm “ làm đúng từ đầu ”.

Tất cả các bộ phận trên hoạt động theo kế hoạch sản xuất do Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành đề ra với sự giúp đỡ của Quản đốc và Phó Quản đốc nhà máy.

Bảng tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH May Việt Hàn một số năm gần đây qua một số chỉ tiêu sau :

Nguồn: Trích Báo cáo tài chính của Công ty TNHH May Việt Hàn 3 năm 2008,2009,2010)

Biểu 2.1

Bảng tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Doanh thu	53.477.561.599	65.512.971.424	77.362.422.932
2. Giá vốn	45.594.186.789	61.792.116.325	60.375.686.801
3. LN trước thuế	3.759.750.537	3.996.515.419	4.732.354.485
4. Nộp ngân sách (Thuế TNCN)	34.120.583	41.258.316	-----
5.Thu nhập bình quân đầu người	2.200.000	2.500.000	3.000.000
6.Lao động	1.512	1.540	1.600

Qua bảng tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh, ta thấy doanh thu và các chỉ tiêu trên qua các năm đều tăng so với các năm cũ, như vậy cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty ngày một phát triển mặc dù đây là giai đoạn khó khăn khi toàn thế giới đang trải qua khủng hoảng kinh tế và các thị trường may mặc truyền ngày càng khó tính và yêu cầu khắt khe hơn.Nhìn vào kết quả

trên ta có thể doanh thu đã tăng 12.035.409.830 đồng tương ứng với 22,5%, lợi nhuận trước thuế tăng 236.764.882 tương ứng với 6,29% , thu nhập bình quân đầu người tăng 300.000 tương ứng với 13,6% từ năm 2008 đến năm 2009. Khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2010, doanh thu đã tăng 11.849.451.510 đồng tương ứng với 19,17%, lợi nhuận trước thuế tăng 735.839.066 tương ứng với 18,4% , thu nhập bình quân đầu người tăng 500.000 tương ứng với 20%. Như vậy công ty ngày càng đạt được những thành tích đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện mức lương cho người lao động đặc biệt là vào năm 2009_2010. Công ty nên tiếp tục phát huy các thế mạnh của mình, đầu tư cho khâu nghiên cứu thị trường và mở rộng sản xuất hơn nữa để công ty ngày một đi lên.

*** Phương hướng phát triển của công ty** trong thời gian tới là ngoài những đơn đặt hàng truyền thống, công ty sẽ đa dạng hoá các đơn hàng gia công trong nước, tìm kiếm các đối tác đầu tư mới, mở rộng thị trường xuất khẩu và sản xuất nhiều sản phẩm có mẫu mã mới

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH May Việt Hàn

*** Cơ cấu nhân sự trong công ty:**

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo mô hình quản lý tập trung, quyền lực tập trung vào một người có quyền hành cao nhất, đó là hội đồng quản trị mà ở đây là gồm hai thành viên.(Sơ đồ 2.1)

Trong Công ty có cơ quan lãnh đạo cao nhất là hội đồng quản trị. HĐQT có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty gồm:

Ông Oh Soo Kil - Hàn Quốc- Chủ tịch

Ông Lee Jae Hwan - Hàn Quốc- Ủy viên

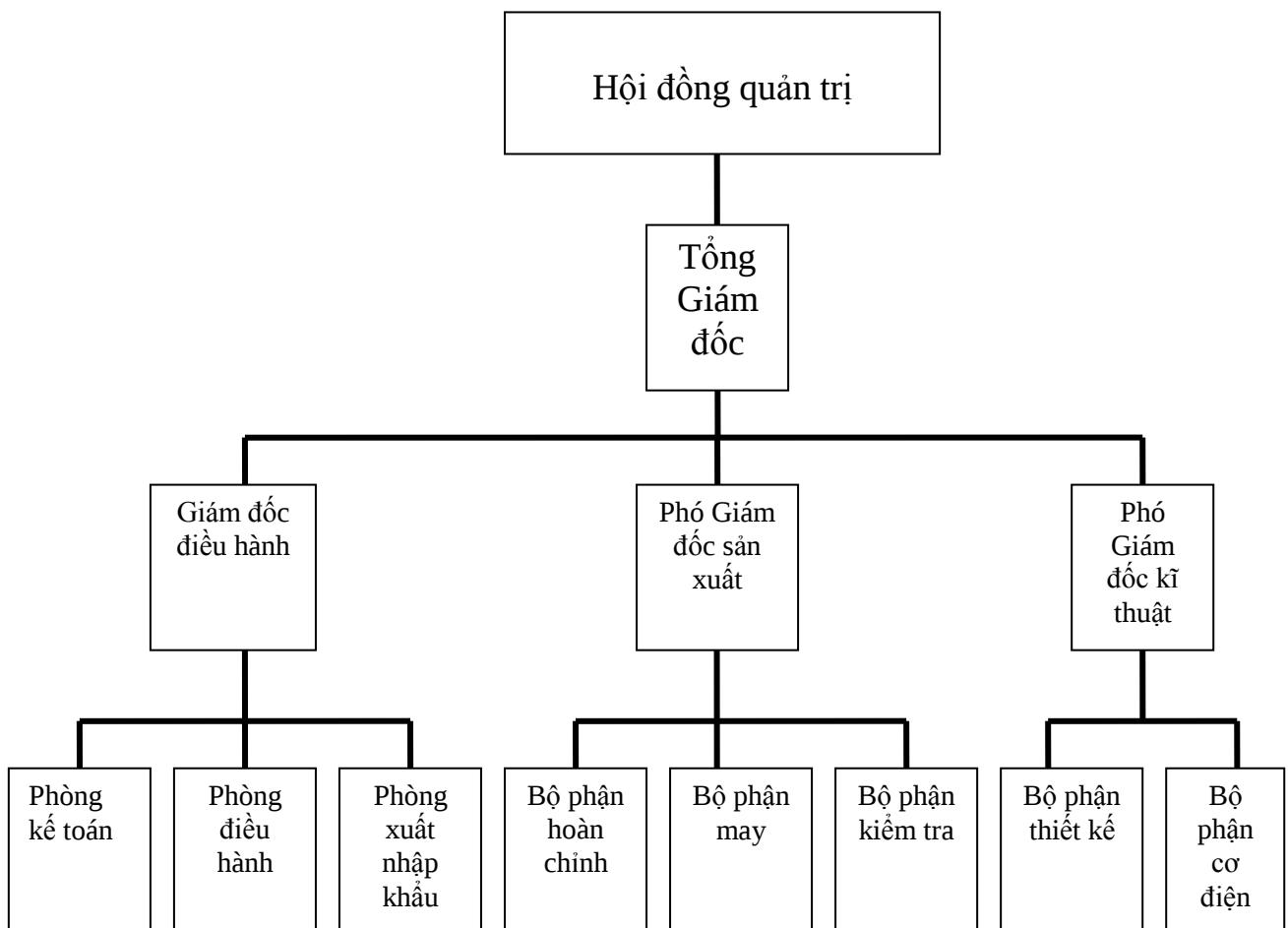
Ban Giám đốc: Ông Lee Jae Hwan - Hàn Quốc- Tổng Giám đốc. Do sự qua đời đột ngột của Ông Lee Jae Hwan vào ngày 22/02/2008 nên chủ tịch hội đồng thành viên là Ông Oh Soo Kil uỷ quyền cho Ông Bang Soo Man, số hộ chiếu GK2233858, quốc tịch Hàn Quốc đại diện cho Tổng Giám Đốc để thực

hiện quyền và trách nhiệm theo Điều 15 của của Điều lệ Công ty TNHH May Việt Hàn.

Do là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn có 100% vốn đầu tư nước ngoài quản lí một lượng công nhân và nhân viên lớn đồng thời sử dụng qui trình công nghệ tiên tiến hiện đại để vận hành bộ máy may Công ty hoạt động một cách hiệu quả thì Công ty đã tổ chức bộ máy quản lí nghiêm ngặt. Có 5 cán bộ quản lí và 20 nhân viên giám sát kỹ thuật chịu trách nhiệm chính trong hoạt động sản xuất. Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng có tổ chức họp báo cáo tình hình cụ thể của từng bộ phận sản xuất và phân công công việc cụ thể hàng tuần, hàng tháng, hàng quý cho các cá nhân phụ trách và các đơn vị thực hiện.

Sơ đồ 2.1:

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH May Việt Hàn



*** Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

- **Hội đồng quản trị:** HĐQT có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng, có chức năng bổ nhiệm và bãi nhiệm tổng giám đốc, có quyết định vấn đề sử dụng vốn trong các trường hợp sử dụng vốn > hoặc = 50% vốn kinh doanh của công ty.

- **Tổng Giám đốc:** Có nhiệm vụ hình thành bộ máy tổ chức, bộ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự chủ chốt Công ty. Lập kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh, lập quyết toán tài chính hàng năm. Đại diện cho Công ty trước cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng, thỏa thuận kinh tế có liên quan tới kinh doanh. Điều hành và xử lý mọi vấn đề tài chính Công ty.

- **Giám đốc và Phó Giám đốc** dưới sự phân công của Tổng Giám đốc, giúp Tổng Giám đốc quản lý, giám sát thi hành các kế hoạch về phần việc được phân công. Giám đốc điều hành và phó Giám đốc sản xuất, phó Giám đốc kỹ thuật có quyền quyết định mọi công việc liên quan tới phần phụ trách và phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và hội đồng quản trị Công ty về phần việc thuộc quyền hạn. Nếu vượt quá khả năng và quyền phải xin ý kiến của cấp trên.

- **Còn các phòng ban** do trưởng phòng phụ trách và điều hành. Các trưởng phòng tổ chức bộ máy quản lý, bố trí nhân sự và phân công công việc hợp lý, phù hợp để hoạt động có hiệu quả. Chỉ đạo theo dõi việc kiểm tra thực hiện chế độ chính sách nhà nước về tổ chức các cán bộ công nhân trong nhà máy.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn

***Đặc điểm lao động kế toán của công ty:**

- Cơ cấu lao động trong phòng kế toán gồm 3 người, đều tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán.

- Kế toán trưởng : 01 người
- Kế toán viên : 02 người (Trong đó 01 người là thủ quỹ)

*** Mô hình tổ chức bộ máy kế toán:**

Phòng kế toán tài vụ thực hiện theo hình thức kế toán tổng hợp với hình thức này phòng kế toán của công ty tổ chức hạch toán tổng hợp tất cả các hoạt động kinh tế tài chính của công ty và hạch toán chi tiết các nghiệp vụ chung của công ty như kiểm tra đối chiếu tình hình biến động của nguồn vốn, các khoản thanh toán với người mua, người bán, doanh số, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận.

Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo được sự tập trung thống nhất nhanh chóng kịp thời nắm bắt một cách chính xác tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, việc chuyên môn hoá trong nghiệp vụ kế toán cao, giảm nhẹ được biên chế, phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh Công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung. Theo mô hình này, toàn bộ Công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế kiểm tra công tác kế toán toàn Công ty. (Sơ đồ 2.2)

- Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận:

*** Nhiệm vụ của kế toán trưởng:**

- Là người có quyền cao nhất tại phòng kế toán.
 - Được phân công chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của phòng kế toán.
- Phụ trách kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết 1 số phần.

- Thiết lập tổ chức quản lý bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- Thiết lập sổ sách ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng theo quy định của nhà nước về chế độ sổ sách đã đăng kí. Tính toán trích lập đúng, đủ,

kịp thời các khoản đã nộp ngân sách, các khoản vay nợ, công nợ phải thu, phải trả.

- Tổ chức kiểm kê tài sản đăng kí hàng kì, báo cáo ngay với Giám đốc các khoản mất mát, hao hụt, hư hỏng. Hoàn thành các báo cáo tài chính, công nợ, thống kê quyết toán đúng thời điểm.

- Đảm bảo nội dung các báo cáo phải trung thực, hợp lí tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức bảo quản các dữ liệu tài liệu kế toán, giữ bí mật tài liệu sổ sách kế toán.

- Kiểm tra việc thanh toán, kiểm tra tình hình hợp lý, hợp lệ của các chứng từ thu chi, vay tín dụng hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thường xuyên căn cứ trên những số liệu được ghi chép.

*** Kế toán viên:**

Chịu trách nhiệm phụ trách kế toán chi tiết: Hàng ngày cập nhật chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh, phản ánh tình hình hiện có và các biến động giảm trong kỳ của các nghiệp vụ kế toán. Đồng thời phụ trách công việc chi trả lương, mua sắm vật tư khi có yêu cầu.

Nhiệm vụ của bộ máy kế toán: Thiết lập, tổ chức quản lí hoạt động kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của toàn Công ty.

*** Kế toán tổng hợp.**

Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu nhập xử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của Công ty

Lập báo cáo tài chính theo dõi tình hình vay và trả nợ ngân hàng, về góp vốn liên doanh và quay vòng vốn.

*** Kế toán chi tiết tại công ty:**

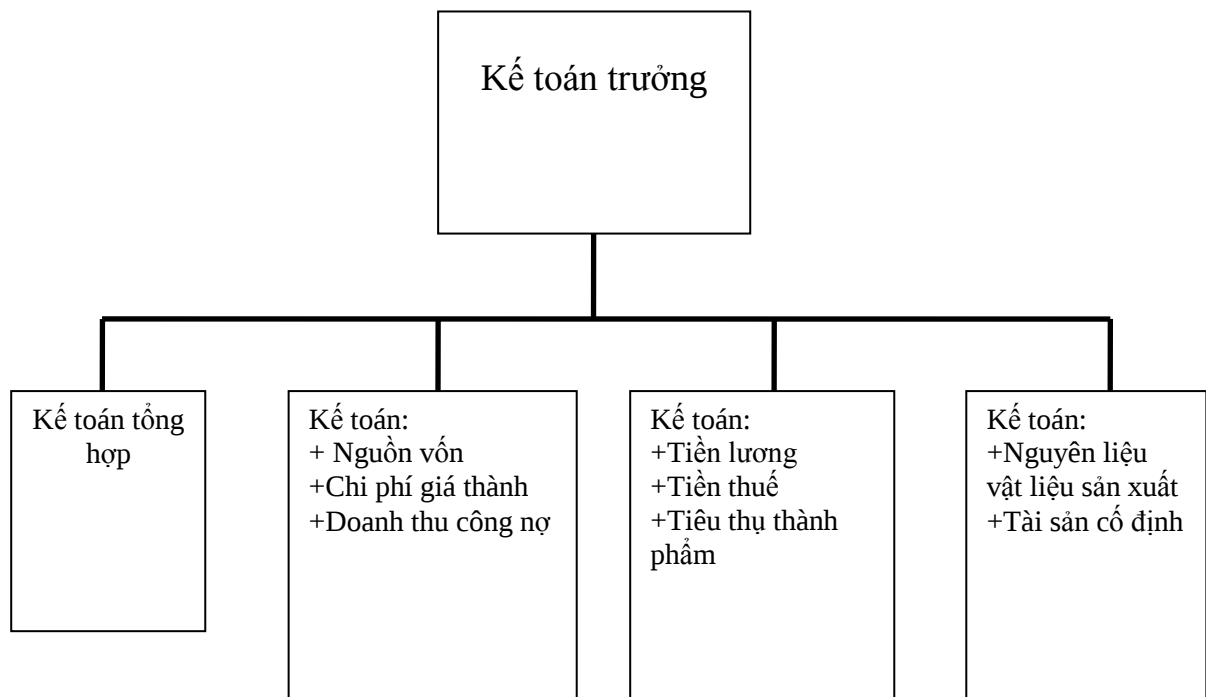
Bao gồm:

- Kế toán nguồn vốn doanh thu, thu nhập
- Kế toán chi phí, giá thành

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi
- Kế toán thanh toán (Công nợ tạm ứng)
- Kế toán tiền lương
- Kế toán thuế
- Kế toán thành phẩm

Sơ đồ 2.2:

**SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG CÔNG TY
TNHH MAY VIỆT HÀN**



2.1.4.2. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng

*** Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn**

Chứng từ kế toán là nguồn thông tin ban đầu được xem như nguồn nguyên liệu mà kế toán sử dụng để qua đó tạo lập thông tin có tính tổng hợp và

hữu ích để phục vụ cho nhiều đối tượng khác. Do có vai trò như vậy nên việc tổ chức, vận dụng chế độ chứng từ kế toán có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin của kế toán.

Do công ty sử dụng chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính ban hành, chứng từ kế toán được nhà nước quy định có tính chất chung, liên quan đến nhiều lĩnh vực cũng như các thành phần kinh tế khác nhau, do đó công ty đã đưa ra những chứng từ kế toán phù hợp với quá trình kinh doanh của công ty.

Trong đó hệ thống chứng từ của Công ty TNHH May Việt Hàn được áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Công ty sử dụng chứng từ phiếu xuất kho theo thiết kế phù hợp với tình hình sản xuất của mình

*** Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty TNHH May Việt Hàn**

- Tài khoản của Công ty TNHH May Việt Hàn được áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Có một số TK công ty sử dụng không hết như các TK ngoài bảng

- Công ty có mở các tài khoản chi tiết cấp 3 như TK 112 thành TK 1121,1122 chi tiết cho các ngân hàng và chi tiết cho từng loại tiền sử dụng để phù hợp với đặc thù của mình.

*** Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH May Việt Hàn**

Công ty áp dụng theo chế độ kế toán:

- Niên độ kế toán: Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo niên độ kế toán năm bắt đầu từ 01/1 đến 31/12 hàng năm.

- Phương pháp khấu hao: Công ty áp dụng Khấu hao tài sản cố định hữu hình tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với Quyết định số: 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT : Theo phương pháp khấu trừ.

*** Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty TNHH May Việt Hàn**
Công ty TNHH May Việt Hàn Công ty sử dụng hình thức hạch toán kế toán
Nhật Ký chung

2.2. Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

2.2.1. Đặc điểm TSCĐ và quản lý TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

2.2.1.1. Đặc điểm TSCĐ, phân loại TSCĐ tại Công ty

*** Đặc điểm:**

Tài sản cố định của công ty là những tài sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh , giá công hàng hóa và có giá trị trên 10.000.000 đồng, thời gian sử dụng trên 1 năm.

Công ty không có Tài sản cố định vô hình.

Nguyên giá TSCĐ mua sắm bao gồm: Giá mua TSCĐ ghi trong hoá đơn GTGT(giá chưa bao gồm thuế), các chi phí phát sinh trực tiếp như: chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt chạy thử, thuế và phí trước bạ(nếu có)...

Khấu hao TSCĐ ở công ty được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian sử dụng ước tính của Bộ tài chính.

*** Phân loại:**

- Phân loại TSCĐ là việc sắp xếp TSCĐ thành từng nhóm theo những đặc trưng quy định nhằm thuận tiện cho việc hạch toán và quản lý TSCĐ mà công ty đang dùng được chia thành các nhóm sau:

Biểu 2.2

BẢNG TÀI SẢN

STT	TÊN TÀI SẢN	Nguyên giá	HMLK	Giá trị còn lại
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc.	17.259.715.053	5.319.101.044	11.940.614.009
2.	Máy móc thiết bị	15.515.805.407	3.989.325.783	11.526.479.624
3.	Phương tiện vận tải	5.282.355.240	2.659.550.522	2.622.804.718
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.473.631.894	1.196.797.735	1.276.834.159
	<u>Tổng cộng</u>	<u>40.531.507.594</u>	<u>13.297.752.615</u>	<u>27.233.754.979</u>

2.2.1.2. Yêu cầu quản lý TSCĐHH tại Công ty

- TSCĐ của công ty khi mua về được bàn giao trực tiếp cho các bộ phận liên quan trực tiếp quản lý, tiếp nhận, bảo quản theo quy trình từng loại máy móc hay vật tư dưới sự theo dõi, giám sát của kế toán TSCĐ công ty.

- Khi xảy ra tổn thất TSCĐ (*hư hỏng, mất mát, giảm giá trị tài sản, tổn thất vật tư, tiền vốn*), các đơn vị trình Công ty, xác định mức tổn thất và tiến hành lập phương án xử lý.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán TSCĐ, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK211: TSCĐ hữu hình. Công ty có sử dụng các tài khoản cấp 2 sau:

- + TK2111: Nhà cửa, vật kiến trúc
- + TK2112: Máy móc thiết bị
- + TK2113: Phương tiện vận tải
- + TK2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK2115: Cây lâu năm

- TK214: Hao mòn TSCĐ

2.2.2.2. Quy trình kế toán biến động tăng TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần đầu tư thêm máy móc thiết bị mới nhằm mở rộng và phát triển sản xuất.

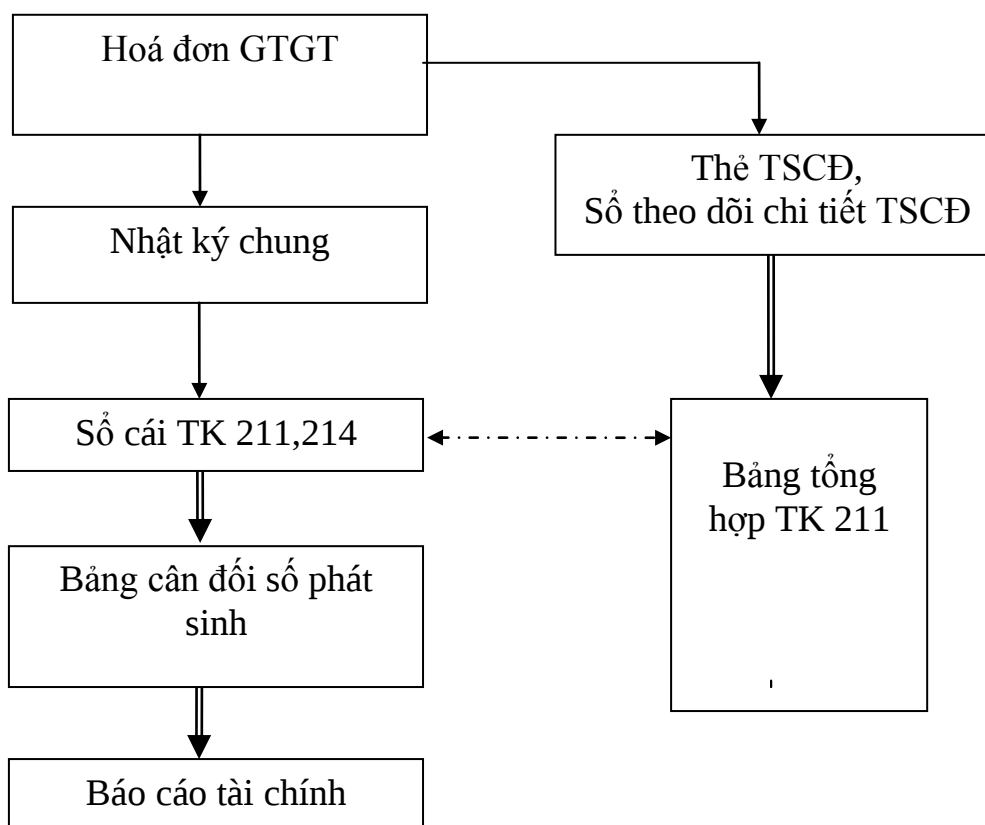
Tại công ty TNHH May Việt Hàn năm 2010 TSCĐ tăng chủ yếu là do các trường hợp:

- Tăng do mua sắm
- Tăng do mua mới theo phương thức trả góp, trả chậm
- Tăng phải qua lắp đặt
- Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao

Quy trình ghi sổ kế toán TSCĐ (Sơ đồ 2.3)

Sơ đồ 2.3:

QUY TRÌNH KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
=====> : Ghi cuối tháng
◄-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT mua TSCĐ ghi các nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên Sổ Nhật ký chung để vào sổ Cái TK 211. Đồng thời với việc mở sổ Nhật ký chung, kế toán công ty còn ghi các nghiệp vụ phát sinh vào thẻ TSCĐ, Sổ theo dõi chi tiết TSCĐ.

Cuối tháng kế toán cộng số liệu và kiểm tra đối chiếu số liệu trùng khớp ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi TK 211 được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 07/11/2010 Công ty mua 05 máy điều hoà Panasonic KC12MKH-8 trang bị cho khu nhà văn phòng công ty. Số tiền 40.409.090đ chưa có thuế VAT 10%. Tài sản này được hình thành từ nguồn vốn kinh doanh của công ty.

Biểu số 2.3

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GK/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		00637335			
Ngày 07 tháng 11 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Công nghệ điều hòa Sao Việt					
Địa chỉ:.. Số 59/258 Đà Nẵng - Cầu Tre - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:....3.638.400-400.....					
Điện thoại..... 0313-555 619.....MS.....0200841916.....					
Họ tên người mua hàng:..Nguyễn Thị Loan.....					
Tên đơn vị: ... CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN					
Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng					
Số tài khoản: 3.002.567-001.....					
Hình thức thanh toán:..TM.....MS.....0200412789.....					

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Máy điều hoà Panasonic	chiếc	5	8.081.818	40.409.090
	KC12MKH-8				
Cộng tiền hàng					: 40.409.090
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: : 4.040.910
Tổng cộng tiền thanh toán:					: 44.450.000
Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi tư triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn					

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT
Biểu số 2.3 :Hóa đơn GTGT Số 00637335.
- Kế toán viết phiếu chi
Biểu số 2.4 : Phiếu chi Số 172.

Biểu số 2.4

Đơn vị:CTY TNHH May Việt Hàn		Mẫu số 02 – TT Liên 1		
Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng				
PHIẾU CHI		Số CT : 172		
Ngày 07/11/2010		TK ghi nợ 211		
		TK ghi nợ 133		
		TK ghi có : 111		
Người nhận tiền: Nguyễn Thị Loan				
Địa chỉ : Phòng KT				
Lý do : Mua 05 máy điều hoà trang bị cho khu nhà văn phòng công ty				
Số tiền: 44.450.000				
Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn				
Kèm theo.....01.....chứng từ gốc				
Giấy giới thiệu số:		Ngày.....//		
Ngày 07 tháng 11 năm 2010				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT và Phiếu chi, kế toán định khoản
Nợ TK 211 : 40.409.090
Có TK 1332 : 4.040.910
Có TK 1111 : 44.450.000
- Đồng thời tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10), sổ cái TK211 (Biểu số 2.11)

Ví dụ 2:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 10-5/CD-VH ngày 10/11/2010, biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị ngày 20/11/2010 và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 21/11/2010 công ty mua máy nén khí Puma Đài Loan cho sản xuất giá: 54.350.000đ, thuế GTGT 5%, chưa thanh toán .Kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 211: 54.350.000

Nợ TK 133(2): 2.717.500

Có TK: 331 : 57.067.500

Biểu số 2.5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----***----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 10-5/CD-VH

- Căn cứ pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của Hội đồng Nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội Đồng Bộ Trưởng ban hành hướng dẫn thi hành pháp lệnh Hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào Nghị định 17/CP của Chính Phủ ngày 16/07/1996 ‘V/v ban hành điều lệ quản lý và đầu tư xây dựng và Trọng tài kinh tế Nhà nước và quy chế HĐKT trong xây dựng cơ bản

Hôm nay, ngày 10/11/2010 tại công ty TNHH May Việt Hàn, các bên tham gia hợp đồng gồm có:

Bên A: Công ty TNHH May Việt Hàn

Đại diện có: Ông Bang Soo Man Chức vụ: Tổng giám đốc

Tài khoản số: 2511 1001 78 003

Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Hải Phòng.

Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.981.199 Fax: 0313.981.197

Mã số thuế: 0200561813

Bên B: Công ty cổ phần Quảng Cáo và Cơ Điện Niki

Đại diện có ông: Đinh Thái Toàn Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số: 34909199

Tại : Ngân hàng TMCP Á Châu Hà Nội.

Địa chỉ: 190 Hoàng Hoa Thám – Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế: 0102094818

Hai bên bàn bạc cùng nhau thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các nội dung sau:

Điều 1: Cung cấp máy nén khí đúng như trong thiết kế

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên:

Điều 3: Giá trị và thanh quyết toán hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng theo báo giá:

1. Đơn giá cung cấp, lắp đặt máy nén khí Puma : 57.067.500 VNĐ

Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng chẵn. (Trong đó đã bao gồm thuế GTGT 5%)

Điều kiện thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán một lần tổng giá trị hợp đồng sau khi công trình đã được nghiệm thu và hoàn tất hồ sơ quyết toán, bàn giao trong thời hạn chậm nhất không quá 10 ngày.

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt, séc chuyển khoản theo số tài khoản ở mục 2.

Điều 4: Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện là ngay sau khi hợp đồng được ký kết

- Ngày bắt đầu: 10/11/2010

- Ngày nghiệm thu:..21/11/2010

Điều 5: Điều kiện ràng buộc

Hợp đồng độc lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Đã ký và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Đã ký và đóng dấu)

Biểu số 2.6

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		CC/2010B			
Liên 2 : Giao cho khách hàng		0053027			
Ngày 21 tháng 11 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Quảng Cáo và cơ điện Niki					
Địa chỉ: 190 Hoàng Hoa Thám – Tây Hồ - Hà Nội					
Số TK:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên công ty : Công ty TNHH May Việt Hàn					
Địa chỉ: Đại Đồng-- Kiến Thụy-- Hải Phòng					
Số Tk:.....					
Hình thức thanh toán: TM/CK		MS: 0200561813			
TT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Máy nén khí Puma Đài Loan Công suất: 20 HP Điện áp: 220/380V Lưu lượng: 3000 lít/ phút	Cái	1		54.350.000
Cộng tiền hàng					54.350.000
Thuế 5%					2.717.500
Tổng tiền hàng thanh toán					57.067.500
Viết bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.7

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2010

Công trình : Cung cấp lắp đặt máy nén khí Puma Đài Loan

Địa điểm lắp đặt: Kiến Thụy - Hải Phòng

BIÊN BẢN SỐ 01 – NTLĐMNK

(Nghiệm thu lắp đặt máy nén khí)

- Tên các thiết bị được nghiệm thu bao gồm:

Tên,ký Mã hiệu quy cách Cấp hạng TSCĐ	SH TS CĐ	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất diện tích thiết kế	Tính nguyên giá TSCĐ				Tỷ Lệ ha o m òn	Tài liệu kỹ thuật Kèm theo
						Giá mua	Cước phí chạy thử	Cước phí vận chuyển	Nguyên giá		
Máy nén		Đài	2009	2010	20HP	54.350.000			54.350.000		
khí Puma		Loan									
3.000											
lít/phút											

Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên nhận: Công ty TNHH May Việt Hàn

Ông : Đặng Đình Hiền

Chức vụ: Trưởng phòng hành chính

Ông : Ngô Văn Huỳnh

Chức vụ: Phụ trách cơ điện

Bên giao: Công ty CP Quảng Cáo và cơ điện Niki

Địa chỉ: 190 Hoàng Hoa Thám – Tây Hồ - Hà Nội

Do ông : Vũ Văn Tuyền

Kiểm tra lại hiện trường:

Hội đồng nghiệm thu đã kiểm tra giám sát quá trình lắp đặt thiết bị đồng bộ máy nén khí bao gồm toàn bộ các thiết bị trên đủ số lượng, đúng thông số, đúng xuất xứ như trong thiết kế. Quá trình lắp đặt cẩn thận, chính xác đảm bảo các yếu tố kỹ thuật, mỹ thuật, khối lượng đã được thực hiện.

- Sau khi nhận bên B hoàn thành việc cung cấp và lắp đặt Máy nén khí
Biểu số 2.6 : Hóa đơn GTGT số 0053027
- Lập biên bản nghiệm thu Máy nén khí
Biểu số 2.7 : Biên bản Số 01_NTMNK
- Căn cứ vào HĐGTGT và biên bản nghiệm thu Máy nén khí, Kế toán TSCĐ lập thẻ TSCĐ (*Biểu số 2.8*), căn cứ vào thẻ TSCĐ ghi vào sổ theo dõi chi tiết TSCĐ (*Biểu số 2.9*).
- Đồng thời căn cứ vào HĐ GTGT tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.11*), sổ cái TK 211 (*Biểu số 2.12*)
- Sau khi hoàn thành việc lắp đặt và nghiệm thu hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng
Biểu số 2.10 : Biên bản thanh lý hợp đồng

Biểu số 2.8

THẺ TSCĐ

STT	TÊN TSCĐ	TKHĐHQ	NGÀY TÍNH KHẤU HAO	SỐ LƯỢNG (CHIẾC)	T/GIAN SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ
1	Máy nén khí Puma 20 HP	0009437	22/11/2010	1	5 năm	54.350.000
	Tổng cộng					54.350.000

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2010

Lập biểu

Biểu số 2.9

SỔ THEO DÕI CHI TIẾT TSCĐ
Năm 2010
Loại tài sản cố định : Máy nén khí PUMA
TK : 2112

Ghi tăng Tài Sản Cố Định								KHẤU HAO TSCĐ							Ghi Giảm Tài Sản Cố Định			
Số TT	Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Thán g năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TS CĐ	Nguyên Giá TSCĐ	Khấu hao năm		Số KH đã trích các năm trước chuyển sang	Tháng, Năm	Số KH	Lũy kế KH đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ	Chứng Từ		Lý do giảm TS CĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
		Số	Ngày, tháng , năm						Tỷ lệ KH (%) hoặc số năm sử dụng	Ngà y thán g					Số hiệu	Ngày, tháng , năm		
1	21/11/2010	HĐ 00637375	21/11/2010	Máy nén khí PUM A	Đài Loan	22/11/2010	M N K-5	54.350.000	5 năm		—	T11/2010	271.746	271.746				
...	...	...	...	...	...	...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Biểu số 2.10

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hải phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2010

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình : Cung cấp lắp đặt máy nén khí Puma Đài Loan

Địa điểm lắp đặt: Công ty TNHH May Việt Hàn - Kiến Thụy - Hải Phòng

Căn cứ vào hợp đồng 10-5/CD-VH ngày 10/11/2010 đã được ký kết giữa công ty TNHH May Việt Hàn và công ty cổ phần Quảng Cáo và Cơ Điện Niki về việc cung cấp, lắp đặt bộ máy nén khí Puma Đài Loan

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 21/11/2010

Thành phần gồm có:

Bên A:

Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Đại diện: Ông Bang Soo Man

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bên B:

Công ty Cổ phần Quảng Cáo và Cơ Điện Niki

Địa chỉ : 190 Hoàng Hoa Thám – Tây Hồ - Hà Nội

Đại diện: Ông Đình Thái Ngọc

Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng đã ký số: 10-5/CD-VH với các nội dung sau:

1. Tổng số tiền theo hợp đồng là: 57.067.500 VNĐ
2. Số tiền bên A đã tạm ứng : 0.00 VNĐ
3. Số tiền bên A phải thanh toán : 57.067.500 VNĐ

(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng chẵn)

4. Tồn tại: Giải quyết tiếp sau khi ký biên bản thanh lý:

Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền cho bên B bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản vào sổ cái tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong thời hạn 12 tháng (trừ những sự cố do lỗi của bên A hoặc khách hàng gây nên). Hết thời gian bảo hành bên B sẽ bảo trì thiết bị của mình trong thời gian 2 năm, kinh phí do bên A chịu trách.

Những điều tồn tại ghi ở mục 4, hai bên đều có trách nhiệm thanh quyết toán với nhau. Ngoài ra không còn điều gì khiếu nại và chấm dứt hiệu lực thi hành hợp đồng số : 10-5/CĐ - VH kể từ ngày thanh lý hợp đồng

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Đã ký và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Đã ký và đóng dấu)

Biểu số 2.11

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11/2010

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK		PHÁT SINH	
Ngày	Số		Nợ	Có	Nợ	Có
.....						
01/11	PC158	Mua máy vi tính trang bị	211		82.173.620	
		cho khu nhà văn phòng	1332		8.217.362	
		đã trả bằng tiền mặt		1111		90.390.982
01/11	HĐGTGT	Lắp đặt	211		42.615.000	
	00532328	hệ thống Camera	1331		4.261.500	
		chưa thanh toán		331		46.876.500
07/11	PC172	Mua 05 điều hòa trang bị	211		40.409.090	
		khu nhà văn phòng	1332		4.040.910	
		thanh toán bằng TM		1111		44.450.000
12/11	PC183	Sửa chữa lớn nhà kho	627		30.080.000	
		công ty đã thanh toán	133		3.008.000	
		bằng tiền mặt		1111		33.088.000
21/11	HĐGTGT	Mua máy nén khí	211		54.350.000	
	0053027	PUMA Đài loan	1332			2.717.500
		Chưa thanh toán		331		57.067.500
.....						

Biểu số 2.12

SỔ CÁI TK 211

Tên TK: TSCĐ hữu hình

Số hiệu TK 211

Tháng 11/2010

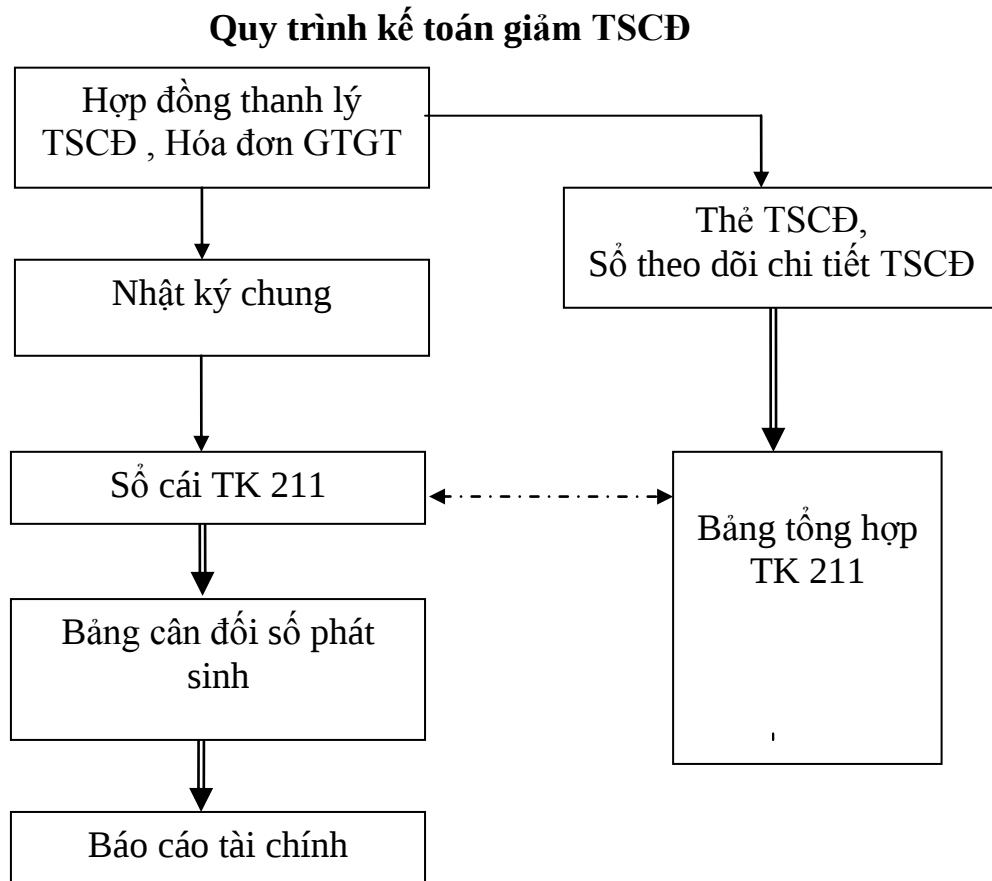
Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>41.329.893.872</u>	
01/11	PC158	Mua máy vi tính cho khu nhà văn phòng		82.173.620	
01/11	HĐGTGT0 0532328	Lắp đặt hệ thống Camera	331	42.615.000	
07/11	PC172	Mua điều hòa trang bị cho khu văn phòng	1111	40.409.090	
12/11	PC183	Sửa chữa lớn nhà kho	1111	30.080.000	
.....					
21/11	HĐGTGT 0053027	Mua máy nén khí PUMA Đài loan	331	54.350.000	
27/11	HĐGTGT 00612395	Mua máy may ống 1 kim chưa thanh toán	331	229.586.300	
29/11	HĐGTGT 00239402	Mua máy may công nghiệp BH chưa thanh toán	331	143.140.000	
30/11	HĐGTGT 00048134	Mua máy in phun stream chưa thanh toán	331	186.703.000	
.....					
		Cộng PSTK		809.057.010	1.607.443.288
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>40.531.507.594</u>	

2.2.3.2. Quy trình kế toán biến động giảm TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

Sơ đồ quy trình kế toán giảm TSCĐ (Sơ đồ 2.4)

Sơ đồ 2.4



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Căn cứ vào Hợp đồng thanh lý TSCĐ., kế toán lập hóa đơn mua TSCĐ (lập 3 liên) và ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung ghi chép vào sổ cái các TK.

Đồng thời hủy thẻ TSCĐ của tài sản đó, ghi vào Sổ theo dõi chi tiết TSCĐ . Cuối kỳ, căn cứ vào sổ theo dõi chi tiết TSCĐ, ghi vào bảng tổng hợp TK 211

Ví dụ 3:

Ngày 02/11/2010, công ty tiến hành thanh lý 01 máy in tốc độ cao lectra cho Công ty TNHH ATA Việt Nam. Nguyên giá 406.066.808, đã khấu hao 370.052.550. Thu nhập từ thanh lý là 67.892.000, thuế GTGT 5%. Chi phí tháo dỡ là 2.872.970.

- Căn cứ vào hợp đồng thanh lý

Biểu số 2.13 : Hợp đồng thanh lý máy in Lectra

- Đại diện 2 bên thỏa thuận và thống nhất lập Biên bản thanh lý TSCĐ

Biểu số 2.14 : Biên bản thanh lý TSCĐ

- Kế toán TSCĐ tiến hành viết HĐ GTGT

Biểu số 2.15 : HĐ GTGT 006486

- Sau khi lập *HĐ GTGT 006483*, Kế toán định khoản :

1. Phản ánh TSCĐ giảm do thanh lý:

Nợ TK 2141: 370.052.550

Nợ TK 811: 36.014.258

Có TK 2112: 406.066.808

2. Phản ánh thu nhập từ thanh lý:

Nợ TK 131: 71.286.600

Có TK 7111: 67.892.000

Có TK 3331: 3.394.600

3. Chi phí tháo dỡ :

Nợ TK 811 : 2.872.970

Có TK 1111 : 2.872.970

- Căn cứ vào *HĐ GTGT 006486* , Kế toán hủy thẻ TSCĐ của tài sản đó, hạch toán nghiệp vụ giảm TSCĐ vào sổ theo dõi chi tiết TSCĐ (*Biểu số 2.16*)
- Đồng thời căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ để ghi vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.19*), từ sổ nhật ký chung, ghi vào sổ Cái TK 211 (*Biểu số 2.20*)

Biểu số 2.13

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hải phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2010

HỢP ĐỒNG THANH LÝ MÁY IN LECTRA

Số: 01/11/2010

- Căn cứ Bộ luật dân sự và luật thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng cung cấp của hai bên

Hôm nay, ngày 02/11/2010 tại công ty TNHH May Việt Hàn, chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên bán): Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

Đại diện: Ông Bang Soo Man Chức vụ: Tổng giám đốc

TK: 2511 1001 78 003 tại ngân hàng TMCP Quân Đội CN Hải Phòng.

Bên B (Bên mua) : Công ty TNHH ATA Việt Nam

Địa chỉ : 189 Giảng Võ – Đống Đa - Hà Nội

Đại diện: Ông Tống Kim Thanh Chức vụ: Giám đốc

Sau khi đàm phán, hai bên trên đây đã đồng ý ký kết hợp đồng thanh lý này với các điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1: Tên hàng/ số lượng/ chất lượng/ giá trị hợp đồng:

STT	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG (CHIẾC)	ĐƠN GIÁ (VND)	THUẾ VAT (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
1	Máy vẽ tốc độ cao lectra Elys 30	1	67.892.000	3.394.600	71.286.600
	TỔNG	1	67.892.000	3.394.600	71.286.600

Bằng chữ: Bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng chẵn.

- Chất lượng: Máy đã qua sử dụng, đang bị hỏng hóc.
- Màu sơn : Xanh.
- Nhãn hiệu: Elys 30.

Điều 2: Thanh toán:

- Bên B sẽ thanh toán 100% bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A sau khi hoàn tất thủ tục bàn giao.

Điều 3: Thời gian và địa điểm giao hàng:

Điều 4: Trách nhiệm của các bên:

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm giao hàng đúng quy định trong điều 1 và 3

4.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo điều 2

Điều 5: Cam kết:

Các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký trong hợp đồng này và không gây tổn hại đến quyền và lợi ích của phía bên kia. Bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng này cũng phải có sự đồng ý bằng văn bản của cả hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh, các bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết. Mọi tranh chấp không giải quyết bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 6: Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai bản), mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Khi bên A đã nhận đủ tiền và bên B đã nhận hàng thì hợp đồng này coi như được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Đã ký và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Đã ký và đóng dấu)

Biểu số 2.14

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN
ĐẠI ĐỒNG-KIẾN THUY-HẢI PHÒNG

Mẫu số 02- TSCĐ
Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 02 tháng 11 năm 2010

Căn cứ Bộ luật dân sự và luật thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban Thanh lý gồm có :

Đại diện Công ty May Việt hàn

Ông : Đặng Đình Hiễn Chức vụ : Trưởng phòng hành chính (Trưởng ban)
Bà : Nguyễn Thị Loan Chức vụ : Kế toán trưởng (Ủy viên)

Đại diện Công ty TNHH ATA Việt Nam

Ông : Nguyễn Minh Hùng Chức vụ : Trưởng phòng kinh doanh(Ủy viên)

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

Tên,mã hiệu,quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy vẽ tốc độ cao lectra Elys 30

Số hiệu TSCĐ : NK_BC06M1

Nước sản xuất : Đức

Năm đưa vào sử dụng : 2005

Nguyên giá TSCĐ : 406.066.808 đồng

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 370.052.550 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ : 36.014.258 đồng

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Công Ty quyết định thanh lý Tài Sản Cố Định trên vì không còn được sử dụng và không đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.

IV. IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ:

-Tổng giá trị thanh lý TSCĐ : 67.892.000 đồng

-Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 đồng

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số 2.15

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao cho khách hàng Ngày 02 tháng 11 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL KY/2010B 006486		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH May Việt Hàn Địa chỉ: Đại Đồng- Kiến Thụy - Hải Phòng MST: 0200561813					
Họ tên người mua hàng: Tên công ty : Công ty TNHH ATA Việt Nam Địa chỉ: Giảng Võ – Cát Linh - Đống Đa – Hà Nội Số Tk:..... Hình thức thanh toán: TM/CK MS: 0101793098					
TT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	Cái	1	2	3=1*2
1	Thanh lý máy vẽ lectra Elys 30 theo HĐ số : 01/11/2010	Cái	1	67.892.000	67.892.000
Cộng tiền hàng				67.892.000	
Thuế 5%				3.394.600	
Tổng tiền hàng thanh toán				71.286.600	
Viết bằng chữ: <i>Bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.16

SỔ THEO DÕI CHI TIẾT TSCĐ
Tháng 11/Năm 2010
Loại tài sản cố định : Máy in LECTRA ELYS
TK : 2112

Ghi tăng Tài Sản Cố Định								KHẤU HAO TSCĐ						Ghi Giảm Tài Sản Cố Định				
Số TT	Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên Giá TSCĐ	Khấu hao năm		Số KH đã trích các năm trước chuyển sang	Tháng, Năm	Số KH trích tháng này	Lũy kế KH đến khi chuyển sổ hoặc ghi giảm TSCĐ	Chứng Từ		Lý do giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
		Số	Ngày, tháng, năm						Tỷ lệ KH (%) hoặc số năm sử dụng	Ngày tháng					Số hiệu	Ngày, tháng, năm		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
73											307.826.536	T11/2010	62.226.014	370.052.550	HĐ 006483	02/11/2010	Thanh lý	36.014.258
—	—	—	—	—	—	—	—	Cộng	—	—	307.826.536	—	—	370.052.550	—	—	—	36.014.258

Ví dụ 4:

Ngày 24/11/2010 chuyển nhượng một ô tô con biển số 16L-4491 cho ông Ngô Xuân Thảo. Nguyên giá TSCĐ 670.491.000, đã hao mòn 69.802.760. Giá chuyển nhượng 385.936.000, chưa VAT 10%.

- Kế toán định khoản:

1. Phản ánh TSCĐ giảm do nhượng bán :

Nợ TK 2141 :69.802.760

Nợ TK 811 : 600.688.240

Có TK 2114 : 670.491.000

2. Phản ánh thu nhập từ nhượng bán :

Nợ TK 1111 :424.529.600

Có TK 711 : 385.936.000

Có TK 3331 : 38.593.600

- Hai bên sẽ tiến hành lập biên bản giao nhận TSCĐ(*Biểu số 2.17*), có hoá đơn giá trị gia tăng(*Biểu số 2.18*), bản sao đăng ký xe ô tô
Biểu số 2.18. : HĐ GTGT 006513
- Căn cứ vào HĐ GTGT 006513 , Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.19*), từ Sổ nhật ký chung, ghi vào Sổ Cái TK 211(*Biểu số 2.20*)

Biểu số 2.17

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

Mẫu số C50-HD

(Ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày
30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày 24 Tháng 11 Năm 2010

Số :12.....

Ban giao nhận TSCĐ gồm :

- Ông : Đặng Đình Hiền .Chức vụ : Trưởng phòng hành chính .Đại diện bên giao
- Ông : Ngô Xuân Thảo. Đại diện bên nhận

Địa điểm giao nhận TSCĐ: Công ty TNHH May Việt Hàn

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau : hôm nay, ngày 24/11/2010, Công ty TNHH May Việt Hàn tiến hành bàn giao cho ông Ngô Xuân Thảo 01 xe ô tô 04 chỗ ngồi Hyundai Tucson 2.0 biển số 16L-4491

ST T	Tên, ký hiệu quy cách (cấp hạng TSCĐ)	Số hiệu TS CĐ	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Năm nhuộn g bán	Công suất (diện tích thiết kế)	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn lũy kế đến ngày nhượng bán	Giá trị còn lại TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4			E
01	Xe Hyundai Tucson 2.0	X18 4	Hàn Quốc	2009	2010	Động cơ: xăng DOHC DTXL: 2.000 cc	670.491.000	69.802. 760	600.688.2 40	

Giá nhượng bán (chưa VAT 10%) : 385.936.000 đồng

Số tiền viết bằng chữ : *Ba trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn.*

- Ghi chú:

Người mua
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng
(Ký, họ tên)

Người duyệt mua
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18

Hoa đơn					Mẫu số 01
Giá trị gia tăng					006513
Liên 3: (Nội bộ)					
Ngày 24 tháng 11 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH May Việt Hàn					
Địa chỉ: Đại đồng –Kiến Thụy- Hải phòng					
Mã số thuế :0200561813					
Điện Thoại:.....MS.....					
Họ tên người mua hàng : Ngô Xuân Thảo					
Tên đơn vị.....					
Địa chỉ: Số 54/266 Trần Nguyên Hân – Lê chân- Hải Phòng					
Số TK:.....					
Hình thức thanh toán : TM.....MS.....					

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Chuyển nhượng xe ô tô con 04 chỗ ngồi	Chiếc	01		385.936.000
Cộng tiền hàng					385.936.000
Tiền thuế GTGT(thuế suất 10%)					38.593.000
Tổng cộng tiền thanh toán					424.529.600
Số tiền viết bằng chữ : Bốn trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng					
Người mua hàng (ký ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.19

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11/2010

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK		PHÁT SINH	
Ngày	Số		Nợ	Có	Nợ	Có
.....						
02/11	BBTL TSCĐ	Thanh lý máy vẽ	2141		370.052.550	
	ngày	Lectra	811		36.014.258	
	02/11/2010	mã TS NHTD004		2114		406.066.808
	HDGTGT	Khách hàng chưa	131		71.286.600	
	006486	thanh toán tiền		7111		67.892.000
				3331		3.394.600
		Chi phí tháo dỡ	811		2.872.970	
		máy in		1111		2.872.970
24/11	BBGN TSCĐ	Chuyển nhượng ô tô	2141		69.802.760	
	ngày	con cho ông Ngô Xuân	811		600.688.240	
	24/11/2010	Thảo biển 16L-4491		2114		670.491.000
24/11	PT324	Khách hàng	1111		424.529.600	
		đã thanh toán		7111		385.936.000
		bằng tiền mặt		3331		38.593.600
.....						

Biểu số 2.20

SỔ CÁI TK 211

Tên TK: TSCĐ hữu hình

Số hiệu TK 211

Tháng 11/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>41.329.893.872</u>	
.....					
02/11	BBTL TSCĐ	Thanh lý máy vẽ Lectra	2141		370.052.550
	02/11/2010	mã TS NHTD004	811		36.014.258
24/11	BBGN TSCĐ	Chuyển nhượng	2141		69.802.760
	24/11/2010	xe ô tô con biển 16L-4491	811		600.688.240
.....					
		Cộng PSTK		809.057.010	1.607.443.288
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>40.531.507.594</u>	

- Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết Theo dõi TSCĐ, Kế toán TSCĐ lập Sổ tổng hợp Tài khoản 211.(Biểu số 2.21)

Biểu số 2.21

BẢNG TỔNG HỢP TÀI KHOẢN 211

THÁNG 11.2010

Đơn vị tính: VNĐ

TK	TÊN TK	PS NỢ	PS CÓ
	<u>Số dư đầu kỳ</u>	<u>40.799.008.392</u>	
111	Tiền mặt	70.489.090	
1111	Tiền Việt Nam	70.489.090	
111	Tiền gửi ngân hàng	54.350.000	
1121	Tiền Việt nam	54.350.000	
141	Tạm ứng	82.173.620	
214	Hao mòn TSCĐ		439.855.310
2141	Hao mòn TSCĐHH		439.855.310
331	Phải trả cho người bán	602.044.300	
811	Chi phí khác		636.702.498
	Cộng p/s trong kỳ	809.057.010	1.076.557.808
	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>40.531.507.594</u>	

2.2.2.4. Kế toán khấu hao TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn

- Phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng (Tuyến tính)

Công thức tính khấu hao TSCĐ tại công ty:

DN thực hiện trích khấu hao cho TSCĐ trong tháng:

$$\text{Tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH năm}}{12 \text{ tháng}}$$

- Hàng tháng doanh nghiệp thực hiện việc tính khấu hao TSCĐ, khấu hao TSCĐ trong năm bằng tổng số khấu hao TSCĐ trong 12 tháng cộng lại.

- TK sử dụng: 214 – Hao mòn TSCĐ, tỷ lệ khấu hao được trích căn cứ vào khung quy định thời gian sử dụng theo quyết định 203/BTC.

- Khấu hao trích trong tháng liên quan tới nhiều đối tượng sử dụng do vậy, căn cứ phản ánh vào từng đối tượng chịu chi phí khấu hao TSCĐ, kế toán lập "Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ".

- **Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ:** Dùng để phản ánh số khấu hao TSCĐ phải trích và phân bổ số khấu hao đó cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hàng tháng.

- Cách phân bổ là phân bổ trực tiếp vào chi phí trong tháng TSCĐ dùng cho bộ phận nào thì phân bổ cho bộ phận đó, dùng cho bộ phận sản xuất thì phân bổ trực tiếp, còn lại phân bổ gián tiếp vào chi phí của công ty trong tháng.

Năm khấu hao cụ thể TSCĐ của công ty TNHH May Việt Hàn như sau:

Biểu số 2.22

BẢNG THỜI GIAN KHẤU HAO

Loại TSCĐ	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	5-20
Phương tiện vận tải	5-8
Máy móc thiết bị	3-7
Thiết bị dụng cụ văn phòng	3-5

- Hàng tháng căn cứ vào SỔ THEO DÕI CHI TIẾT TSCĐ , kế toán TSCĐ tiến hành lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

Biểu số 2.23

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN
ĐẠI ĐỒNG - KIẾN THUY - HẢI PHÒNG

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

THÁNG 11/2010

Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH hoặc TGSD	Nguyên giá	TK 627-Chi phí sản xuất chung						642-Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Kho nguyên phụ liệu	Bộ phận tạo mẫu	Bộ phận cắt	Bộ phận May Số 1	Bộ phận May Số 2	Bộ phận hoàn thiện	Bộ phận văn phòng
I. Số KH trích tháng trước			23.176.521	8.166.570	20.054.699	105.485.425	183.834.743	51.927.933	50.095.754
II. Số KH TSCĐ tăng trong tháng						198.806	637.740	401.401	
Nhóm máy móc, thiết bị									
Máy nén khí PUMA	5 năm	54.350.000						271.746	
Máy may ống 1 kim	4 năm	229.586.300					637.740		
Máy may CN BH	4 năm	143.140.000				198.806			
Máy in phun stream QL02	4 năm	186.703.000						129.655	

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH hoặc TGSD	Nguyên giá	TK 627-Chi phí sản xuất chung						642-Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Kho nguyên phụ liệu	Bộ phận tạo mẫu	Bộ phận cắt	Bộ phận May Số 1	Bộ phận May Số 2	Bộ phận hoàn thiện	Bộ phận văn phòng
<i>Nhóm TBVP</i>									4.364.334
05 Điều hòa khu văn phòng	3 năm	40.409.090							897.984
Hệ thống camera	3 năm	42.615.000							1.183.740
03 Máy vi tính DELL6	3 năm	82.173.620							2.282.610
III.Số KH TSCĐ giảm trong tháng								370.052.550	69.802.760
Thanh lý máy vẽ Lectra	6 năm	406.066.808						370.052.550	
Nhượng bán xe ô tô 16L-4491	6 năm	670.491.000							69.802.760
IV.Số KH TSCĐ trích tháng này			23.176.521	8.166.570	20.054.699	105.684.231	184.472.483	(317.723.216)	(15.342.672)

Biểu số 2.24

CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

ĐẠI ĐỒNG - KIẾN THỤY - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TK 214

Tên TK: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu TK 214

Tháng 11/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			<u>12.844.124.625</u>
.....					
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao Kho NPL	6274		23.176.521
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP tạo mẫu	6274		8.166.570
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP cắt	6274		20.054.699
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP May Số 1	6274		105.684.231
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP May Số 2	6274		184.472.483
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP hoàn thiện	6274	317.723.216	
30/11	BTVPBKH T11	Trích khấu hao BP văn phòng	6424	15.342.672	
		SPS		317.723.216	341.554.504
		<u>SDCK</u>			<u>12.867.955.913</u>

2.2.5. Kế toán sửa chữa TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn

TSCĐ là tư liệu lao động có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài trong quá trình kinh doanh TSCĐ bị hao mòn dần. Chính vì vậy để TSCĐ luôn hoạt động tốt trong quá trình sử dụng công ty luôn quan tâm lập kế hoạch sửa chữa TSCĐ.

Hầu hết các TSCĐ của công ty còn mới nên chủ yếu phát sinh các nghiệp vụ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa nhỏ TSCĐ. Chi phí cho sửa chữa thường xuyên nhỏ nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh của bộ phận có TSCĐ sửa chữa.

Tùy mức độ hư hỏng có thể hư hỏng ít hoặc hư hỏng nhiều mà có quyền quyết định lập dự toán hay không.

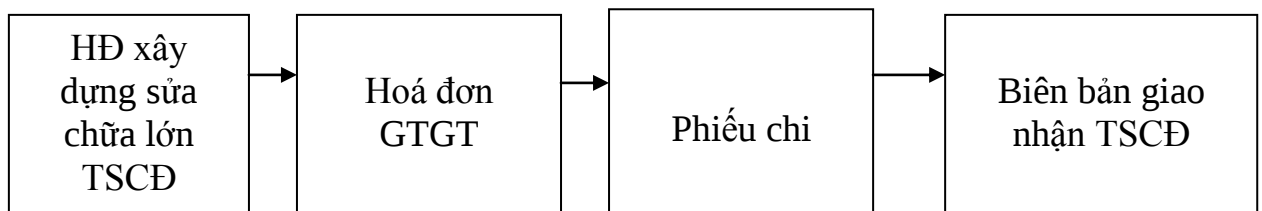
Do đặc thù của ngành dệt may là phần lớn sử dụng nhân công và máy khâu là chính, mà máy khâu là TSCĐ có nguyên giá rất nhỏ, vì vậy để cấu thành nên TSCĐ thì phải cần cả một dây truyền may mới được.

Tại công ty có bộ phận kỹ thuật chuyên sửa máy riêng, căn cứ vào các phiếu đề nghị sửa chữa của các bộ phận chuyển lên rồi tiến hành mua mới hoặc sửa chữa lớn nhỏ tùy từng loại và kế toán TSCĐ căn cứ vào các phiếu đó tiến hành hạch toán vào chi phí của từng loại.

Quy trình tiến hành sửa chữa lớn TSCĐ tại công ty TNHH May Việt Hàn(Sơ đồ 2.5)

Sơ đồ 2.5

Quy trình sửa chữa TSCĐ tại công ty TNHH May Việt Hàn



VD5 : Trong năm không có TSCĐ hư hỏng do xuống cấp cần sửa chữa lớn, chỉ có sửa chữa công trình nhà kho do xây dựng không đúng thiết kế theo yêu cầu kỹ thuật đề ra. Chứng từ kế toán gồm có: Hợp đồng xây dựng sửa chữa lớn TSCĐ, hoá đơn GTGT, phiếu chi, biên bản giao nhận.

- Sau khi 2 bên đã thỏa thuận và lập Hợp đồng sửa chữa lớn (*Biểu số 2.25*), căn cứ vào Hợp đồng sửa chữa lớn kế toán hạch toán như sau :
Nợ TK6274: 30.080.000
Nợ TK 133(1): 3.008.000
Có TK 331: 33.088.000
- Vào ngày 12/11/2010, khi bên thi công đã hoàn thành sửa chữa lớn TSCĐ , Hội đồng nghiệm thu của công ty kiểm tra và cùng bên thi công lập Biên bản Bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành .
Biểu số 2.26 : Biên bản Bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành
- Công ty nhận *Hóa đơn GTGT 002998 (Biểu số 2.27)* từ bên thi công, căn cứ vào HĐ GTGT, kế toán viết *Phiếu chi (Biểu số 2.28)*.
- Căn cứ vào Phiếu chi (lập làm 3 liên), kế toán vào sổ Nhật ký chung và từ sổ *Nhật ký chung (Biểu số 2.29)* vào sổ Cái

Biểu số 2.25

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG SỬA CHỮA LỚN TSCĐ

- Căn cứ vào ND số 17/HĐKT ngày 16/10/1990 quy định chi tiết về việc thi hành pháp lệnh HĐKT

- Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 05/11/2010

Chúng tôi gồm có:

Bên A:

Công ty TNHH May Việt Hàn

Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thụy - Hải Phòng

ĐT: 84.313 981 199

Fax: 84 313.981 197

Do Ông Bang Soo Man

Tổng giám đốc

Tài khoản: 2511 1001 78 003 Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Hải Phòng.

Bên B:

Công ty Xây Dựng 203

Địa chỉ : Đường Nguyễn Hữu Cầu - Đồ Sơn - Hải Phòng

ĐT: 0313 861 038

Fax: 0313.861 039

Do ông: Nguyễn Văn Đô

Giám đốc

Sau khi thoả thuận hai bên cùng nhau nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A giao cho bên B xây dựng và sửa chữa các hạng mục công trình sau đây:

Tên TSCĐ	Nội dung	Khối lượng (m ²)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
Nhà kho chứa hàng	Mái lợp tôn	1.000	20.000	20.000.000
	Lát nền	1.008	10.000	10.080.000
Cộng				30.080.000

Tổng số: 33.088.000

Viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn

Điều 2: Thời hạn bàn giao : 12/11/2010

Điều 3: Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt 100% sau khi nhận bàn giao công trình.

Điều 4: Chi phí nguyên vật liệu và nhân công do bên B chịu.

Điều 5: Sau khi bàn giao công trình được bảo hành một năm ,trong 1 năm có hỏng hóc thì bên B chịu trách nhiệm sửa chữa miễn phí.

Điều 6: Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký.

Điều 7: Cam kết

Hai bên cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Mọi phát sinh liên quan tới việc thực hiện hợp đồng hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và đi đến thống nhất bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại diện bên A

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(K ý tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

BÀN GIAO TSCĐ SỬA CHỮA LỚN HOÀN THÀNH

Hôm nay, ngày 12/11/2010

Tại địa điểm thi công: Công ty TNHH May Việt Hàn

Thành phần nghiệm thu công trình sửa chữa lớn hoàn thành bao gồm có:

I: Đại diện bên A: Công ty TNHH May Việt Hàn

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Hoàng Văn Khánh | - Phó giám đốc |
| 2. Ông Đặng Văn Thành | - Trưởng phòng kỹ thuật |
| 3. Bà Phạm Thị Thu | - Kế toán trưởng |

II: Đại diện bên B : Công ty Xây Dựng 203

- | | |
|---------------------|----------------------------------|
| 1. Ông Trần Văn Hợp | - Trưởng ban thi công công trình |
|---------------------|----------------------------------|

Hội đồng nghiệm thu đã kiểm tra, xem xét toàn bộ thiết bị tại hiện trường và thống nhất các đánh giá sau:

Công trình đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn các hạng mục công trình đạt yêu cầu như hợp đồng đã ký. Công trình đảm bảo yêu cầu thiết bị đề ra, không phát sinh thêm chi phí ngoài dự toán.

Đại diện bên A

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(K ý tên, đóng dấu)

Sau khi bàn giao công trình bên A giao tiền cho bên B đồng thời nhận hoá đơn từ bên B.

Biểu số 2.27

Hoá đơn (GTGT)				Mẫu số: 01GTKT	
Liên 2: Giao cho khách hàng				DS/2010	
Ngày 12 tháng 11 năm 2010				No: 002998	
Đơn vị bán hàng: Công ty Xây Dựng 203					
Địa chỉ: Khu III Vạn Hương- Đồ Sơn					
ĐT: 0313.861.038			MST:		
Tài khoản:					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH May Việt Hàn					
Địa chỉ : Đại Đồng - Kiến Thuy - Hải Phòng					
ĐT: 0313.981.199					
Tài khoản: 2511 1001 78 003					
Hình thức thanh toán: CK/TM				MST : 0200561813	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mái lợp tôn	M ²	1.000	20.000	20.000.000
	Lát nền	M ²	1.008	10.000	10.080.000
	Tổng cộng				30.080.000
Thuế GTGT 10% :					3.008.000
Tổng cộng thanh toán :					33.088.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.28

Đơn vị: Công ty TNHH May Việt Hàn

Mẫu số 01

Địa chỉ: Đại Đồng - Kiến Thụy - HP

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: ..183..

Ngày 12 tháng 11 năm 2010

Nợ TK: 627

Có TK :111

Họ tên người nhận tiền: Ông Trần Văn Hợp

Địa chỉ: Khu II đường Nguyễn Hữu Cầu - Đồ Sơn

Lý do chi: Sửa chữa nhà kho

Số tiền: **33.088.000.** (Viết bằng chữ): **Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn**

Kèm theo.....01..... chứng từ gốc.

.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Thủ quỹ
(Ký tên)

Biểu số 2.29

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11/2010

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK		PHÁT SINH	
Ngày	Số		Nợ	Có	Nợ	Có
.....						
12/11	PC183	Sửa chữa lớn nhà kho	627		30.080.000	
		công ty đã thanh toán	1331		3.008.000	
		bằng tiền mặt		1111		33.088.000
26/11	PC192	Bộ phận sửa máy	627		5.000.000	
		sửa chữa nhỏ	133		250.000	
		máy cuốn chỉ		1111		5.250.000
.....						

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MAY VIỆT HÀN

3.1: Đánh giá thực trạng kế toán TSCĐHH tại công ty TNHH May Việt Hàn.

3.1.1. Những thành tựu đạt được.

- Là một công ty 100% vốn đầu tư của nước ngoài, đã hoạt động được 8 năm liên tục, lại được hưởng một số ưu đãi về thuế, thuế thu nhập của công ty bằng 10% lợi nhuận thu được trong suốt thời gian thực hiện dự án, được miễn giảm thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi doanh nghiệp có lãi, và được giảm thuế 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm tiếp theo.

- Nguồn vốn của công ty kể cả vốn vay ngắn hạn và dài hạn đều có xu hướng giảm xuống, việc này đã giúp cho công ty tự chủ về tài chính cao hơn, giảm được chi phí lãi vay và điều tiết nguồn vốn của mình một cách hợp lý, hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong công ty là những người trẻ tuổi, năng nổ, nhiệt tình trong công việc, cán bộ lãnh đạo là những người có kinh nghiệm trong kinh doanh, vui vẻ, gần gũi với nhân viên, tạo nên không khí thân mật thoải mái trong công ty.

- Trình độ quản lý chuyên nghiệp của các doanh nhân nước ngoài đã tạo ra công ăn việc làm đều đặn cho hơn 1.600 công nhân trong nhà máy và với tay nghề lâu năm của các bậc thợ đã tạo ra được những sản phẩm có chất lượng tốt đáp ứng nhiều thị trường khó tính trên thế giới như Mỹ, Hồng Kông, Skilanca...

- Ngoài ra trong quá trình phát triển công ty đã linh hoạt trong việc tìm hiểu, nắm bắt thị trường đi sâu nghiên cứu tìm tòi nhiều biện pháp mới như xây dựng nhà xưởng khang trang, tiện nghi, đầu tư nhiều dây chuyền sản xuất mới, lắp đặt mua sắm nhiều TSCĐ, máy móc thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Công ty không ngừng nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các cơ hội đầu tư,

liên doanh, liên kết với các nhà sản xuất trong và ngoài nước để tạo ra 1 chỗ đứng vững chắc trong ngành may mặc xuất khẩu.

- Nhà máy được xây dựng tại vị trí thuận lợi, nơi có nguồn lao động đông đảo, nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng với giá cả hợp lý, giao thông thuận lợi góp phần không nhỏ trong việc tạo ra một công ty TNHH May Việt Hàn có vị thế như ngày hôm nay.

- Công ty thực hiện mô hình theo chế độ chủ trương chịu trách nhiệm trực tiếp đây là cách thức đòi hỏi người lãnh đạo, ngoài khả năng chuyên môn còn có khả năng lãnh đạo tốt. Điều đó làm cho công ty phát triển mạnh hơn.

- Công ty đã và đang thực hiện tốt các quy định của Nhà Nước ban hành.

- Một nhân tố vô cùng quan trọng của công ty là bộ máy nhân sự, nhất là nhân sự trong phòng kế toán, với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm làm việc và khả năng thực hành tốt đã góp phần làm cho công tác kế toán tại công ty được hoàn thành tốt

*** Đánh giá những ưu điểm về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH May Việt Hàn.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty, qua quá trình nghiên cứu tổ chức công tác kế toán đặc biệt là tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty. Em nhận thấy tổ chức công tác kế toán của Công ty có những ưu điểm sau:

- *Về bộ máy quản lý:* Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty là tương đối phù hợp, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ. Mỗi bộ phận có 1 chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng liên hệ mật thiết với nhau, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và nhanh chóng cung cấp kịp thời cho lãnh đạo Công ty đưa ra các quyết định và giám sát công việc đạt hiệu quả cao nhất.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:* Bộ máy kế toán với mô hình tổ chức tập trung, cán bộ kế toán có tay nghề, tính chuyên môn hoá cao. Công ty chỉ mở một bộ sổ kế toán nên thuận lợi cho việc ghi sổ và có độ chính xác cao. Công tác hạch toán kế toán luôn được tiến hành liên tục kịp thời không còn ứ tắc vào cuối kỳ. Tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hình thức rất phù hợp với tình hình sản xuất

kinh doanh của công ty TNHH May Việt Hàn. Tuy nhiên hình thức này đòi hỏi người Kế toán trưởng phải có kiến thức tổng hợp để nắm bắt được nội dung của các phần kế toán. Có như vậy mới phục vụ cho quản lý thông tin kế toán chính xác và đảm bảo tính hợp lý hiệu quả.

- *Về hệ thống sổ sách*: Nhìn chung hệ thống sổ sách kế toán của công ty tương đối phù hợp với quy định của Bộ tài chính . Hình thức nhật ký chung được sử dụng rất phù hợp với đặc điểm hoạt động của công ty. Các chứng từ được sử dụng trong công ty đều theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài Chính, được tuân thủ cả về nội dung thực hiện khá chi tiết, rõ ràng, trung thực và đầy đủ. Sự luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý trong nội bộ, tạo ra sự vận động nhịp nhàng góp phần đạt hiệu quả về chất lượng công việc.

- *Về hệ thống tài khoản*: Công ty đã vận dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006- QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài Chính.

- *Về đổi mới TSCĐ phục vụ cho sản xuất*: Trong năm 2010 Công ty chủ yếu mua sắm, trang bị máy móc thiết bị mới để phù hợp với yêu cầu thay đổi mẫu mã liên tục của thị trường may mặc.

- *Về công tác tổ chức kế toán chi tiết, tổng hợp TSCĐ*: TSCĐ trong công ty rất đa dạng về số lượng, chất lượng và chủng loại .Phòng kế toán tài chính Công ty đã xây dựng một hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán một cách khoa học hợp lý .

- *Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ*: Kế toán khấu hao TSCĐ được tính và trích đầy đủ lập bảng tháng phân bổ chi tiết cho từng đối tượng sử dụng

- *Về tình hình sửa chữa TSCĐ*: Công ty đã thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo dưỡng TSCĐ đặc biệt là máy móc thiết bị phục vụ cho công tác sản xuất chính trên cơ sở căn cứ vào số giờ ca máy hoạt động. Công ty đã kết hợp giữa sửa chữa tự làm và thuê ngoài tạo sự chủ động trong sản xuất kinh doanh.

3.1.2. Những tồn tại:

- Công ty nằm xa khu vực trung tâm của thành phố nên gặp khó khăn trong vấn đề vận chuyển nguyên phụ liệu hay hàng hóa từ cảng về công ty và ngược lại.

- Doanh nghiệp sản xuất mặt hàng là hàng xuất khẩu truyền thống nên có nhiều đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước. Hàng hoá lại xuất sang thị trường rất khó tính, đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng và phải qua quy trình kiểm tra nghiêm ngặt. Đồng thời Doanh nghiệp cũng ở trong tình trạng chung của các Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là qui mô sản xuất nhỏ, chịu cước phí các dịch vụ có giá cao, năng lực tài chính còn chưa đủ mạnh. Thêm vào đó hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn giúp cho các Doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về cơ chế vốn và thị trường.

- Sự bất ổn của thị trường may mặc trong và ngoài nước cũng như chịu sự khủng hoảng của kinh tế toàn cầu với những biến động kinh tế khá lớn cho ngành may mặc, cộng với sự bất ổn trong cơ chế xuất nhập khẩu, chính sách về thuế thường xuyên thay đổi điều này đã gây ra không ít khó khăn cho sản xuất của công ty.

- Các loại chi phí dịch vụ như phí ngân hàng, phí giao nhận, vận tải, hải quan, kiểm hoá... ngày càng tăng cao ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Bộ phận nhân viên quản lý trong công ty còn ít nên ảnh hưởng đến chất lượng công việc, ảnh hưởng đến tinh thần làm việc của nhân viên và đặc biệt một số nguyên tắc như phân công, phân nhiệm, nguyên tắc bất kiêm nhiệm trong quản lý, vì vậy hệ thống kiểm soát nội bộ không mạnh.

- Một số quyết định đầu tư chưa đúng đắn trong việc trang bị cơ sở vật chất hạ tầng, không đem lại hiệu quả cao.

*** *Đánh giá những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty***

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trong công tác kế toán TSCĐ Công ty vẫn còn những tồn tại khách quan và chủ quan cần phải khắc phục cụ thể như sau:

- ❖ *Về việc trích khấu hao TSCĐ*: Công ty đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng. Thời gian sử dụng do Nhà nước quy định điều này rất hạn chế trong quá trình trích khấu hao. Vì vậy khó khăn trong việc thu hồi vốn để đầu tư trở lại.
- ❖ *Về việc sử dụng phần mềm kế toán* : Hiện nay công ty chưa áp dụng phần mềm mà chỉ dùng phương pháp thủ công, khiến cho việc hạch toán kế toán gặp nhiều khó khăn, mất rất nhiều thời gian.
- ❖ *Về hệ thống TK* : Công ty chưa áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC Ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 nên vẫn sử dụng 1 số TK như 431 (Quỹ khen thưởng và phúc lợi).....
- ❖ *Về hệ thống sổ sách* :
 - Thẻ Tài sản cố định mà công ty sử dụng hiện nay chưa đúng so với Mẫu Thẻ tài sản cố định (S12-DNN) của BTC, chưa cung cấp đầy đủ thông tin của TSCĐ.
 - Hiện nay công ty đã giao TSCĐ cho từng đơn vị sử dụng quản lí, nhưng vẫn chưa sử dụng Sổ theo dõi TSCĐ Và Dụng Cụ Tại Nơi Sử Dụng, gây hạn chế trong việc kiểm tra, quản lý TSCĐ.
- ❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán* : do lực lượng cán bộ nhân viên còn ít, mỗi nhân viên kế toán phải đảm nhận nhiều công việc, ảnh hưởng đến năng suất làm việc, đồng thời hệ thống kiểm soát nội bộ không mạnh.
- ❖ *Về công tác đầu tư mua sắm TSCĐ* : Công ty có những quyết định mua sắm TSCĐ chưa đúng đắn, không phù hợp với nhu cầu sử dụng của công ty,gây lãng phí.

3.2: Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán TSCĐHH tại Công ty TNHH May Việt Hàn.

Để có thể đứng vững trên thị trường và kinh doanh có lãi đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải không ngừng mở rộng thị trường, đảm bảo tốt các yếu tố đầu vào, mua sắm TSCĐ, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng nguồn vốn kinh doanh. Để đạt được điều đó, các nhà quản lý phải sử dụng rất nhiều công cụ quản lý khác nhau trong đó có công tác kế toán. Kế toán có vai trò quan trọng đối với các nhà quản lý, giúp họ phân tích được các hoạt động kinh tế, tìm ra các giải pháp tài chính hiệu quả, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư có hiệu quả cao. Thực tại đối với công ty TNHH May Việt Hàn thì kế toán TSCĐ được coi là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển và kinh doanh của công ty. Thông qua các ghi chép chi tiết, và phân loại tổng hợp kế toán TSCĐ sẽ đưa ra các thông tin hữu ích phản ánh kịp thời tình hình tài sản và sự vận động tài sản của doanh nghiệp.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐHH tại công ty TNHH May Việt Hàn.

Hoàn thiện kế toán TSCĐ là một vấn đề hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhất là tại công ty TNHH May Việt Hàn, hoàn thiện cả về nội dung và phương pháp kế toán, và muốn hoàn thiện được thì phải có những nhận xét đúng đắn về tình hình thực tế thực hiện công tác kế toán TSCĐ tại doanh nghiệp, hoàn thiện kế toán TSCĐ không những giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được tình hình TSCĐ hiện có tại DN một cách đầy đủ mà còn giúp doanh nghiệp tháo gỡ được những khó khăn khi gặp trục trặc về vốn huy động trong kinh doanh.

Nhìn chung công tác hạch toán kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện. Từ những nhận xét trên em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán TSCĐ tại công ty TNHH May Việt Hàn

- ❖ **Ý kiến 1:** TSCĐ là một phần không thể thiếu để nhìn nhận về sự phát triển lớn mạnh của một công ty, nó thể hiện nguồn vốn đầu tư, mua sắm và kinh doanh có hiệu quả qua các năm hoạt động, hay nói cách khác nó là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, vì vậy công ty nên có những phương pháp quản lý, bảo dưỡng, thay thế và đầu tư mua sắm thêm tài sản phù hợp và có một quy trình tổ chức công tác kế toán TSCĐ tốt góp phần nâng cao hiệu quả quản lý TSCĐ tại công ty một cách tốt nhất.
- ❖ **Ý kiến 2:** Công ty có thể áp dụng những phần mềm kế toán mới có để thuận tiện cho việc hạch toán kế toán quản lý TSCĐ. Ví dụ Phần mềm kế toán SSOFT ACCOUNTING 9.0, phần mềm kế toán Weekend SQL, phần mềm MISA.... Những phần mềm này có các ưu điểm là cho phép tính giá thành trực tiếp không qua thủ công, quản lý chi tiết TSCĐ theo bộ phận sử dụng, theo nguồn hình thành tài sản, theo mục đích sử dụng, đặc biệt tự động tính khấu hao, trích trước và định khoản tự động chi phí khấu hao, chi phí trích trước tài sản cố định.

Hình 1

Giao diện phần mềm WEEKEND® SQL

Hình 2



Các phân hệ của phần mềm kế toán

- ❖ **Ý kiến 3:** Với chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai cần có hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh và hệ thống kế toán chặt chẽ, nhanh chóng và chính xác do đó công ty nên quan tâm đến việc tuyển dụng thêm nhân viên kế toán và tổ chức phân công rõ ràng và giảm bớt công việc cho từng nhân viên.
- ❖ **Ý kiến 4:** Ngày 31/12/2009, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 244/2009/TT-BTC về sửa đổi bổ sung chế độ kế toán, trong đó Kế toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi đổi số hiệu tài khoản 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi thành tài khoản 353 nhưng hiện nay công ty vẫn sử dụng TK 431 để hạch toán nguồn hình thành TSCĐ.

Ví dụ : Ngày 15/6/2010 Công ty mua 01 xe ô tô 16L-8360 phục vụ cho hoạt động từ thiện của công ty .Tài sản này được hình thành từ quỹ khen thưởng , phúc lợi của công ty.

Căn cứ vào Phiếu chi và biên bản bàn giao, kế toán định khoản

Nợ TK 211 : 344.450.000

Có TK 1111 : 344.450.000

Đồng thời căn cứ vào nguồn hình thành của TSCĐ để định khoản:

Nợ TK 3531 : 344.450.000

Có TK 411 : 344.450.000

Bộ phận kế toán của công ty cần tìm hiểu, cập nhật thông tư 244 để sửa đổi theo đúng quy định về hạch toán kế toán. Đồng thời liên tục cập nhật phổ biến các văn bản mới về công tác tài chính kế toán đặc biệt là kế toán TSCĐ để mỗi kế toán viên nắm bắt kịp thời và chính xác.

❖ **Ý kiến 5:** Theo em công ty nên đầu tư mua sắm TSCĐ, cũng như máy móc thiết bị mới, đủ tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng sản phẩm, cạnh tranh được với thị trường trong và ngoài nước.

❖ **Ý kiến 6:** Về phương pháp tính khấu hao.

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng căn cứ khả năng đáp ứng các điều kiện lựa chọn phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCĐ của doanh nghiệp.

Ngành dệt may đòi hỏi luôn theo sát nhu cầu và thị hiếu của thị trường. Trong khi Công ty đang trong quá trình đổi mới hiện đại hoá nhanh máy móc thiết bị đáp ứng cho nhu cầu và năng lực sản xuất thực tế. Vì vậy, theo em, nên áp dụng phương pháp trích khấu hao theo khối lượng sản phẩm .

Cụ thể phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

Mức trích khấu hao	Số lượng sản	Mức trích khấu hao bình
trong tháng của	phẩm sản xuất	quân tính cho một đơn vị
TSCĐ	trong tháng	sản phẩm

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao trong năm của TSCĐ}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Phương pháp này cố định mức khấu hao trên đơn vị sản lượng nên với tình hình sản xuất tại Công ty như hiện nay: Máy móc thiết bị mới hiện đại, lượng đặt hàng ngày càng nhiều công nhân thường xuyên phải làm thêm giờ ...

Ví dụ: Xét trường hợp TSCĐ có nguyên giá là 480.000.000 đồng dự kiến sử dụng trong 5 năm. Sản lượng theo công suất thiết kế là 240.000 sản phẩm. Số khấu hao hàng năm được tính như sau:

- Trường hợp trích khấu hao theo đường thẳng:

$$\text{Mức khấu hao năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}} = \frac{480.000.000}{5} = 96.000.000 \text{đồng}$$

Theo phương pháp này thì mỗi năm Công ty trích 96.000.000 đồng thì sau 5 năm Công ty mới thu hồi đủ vốn.

- Trường hợp trích khấu hao theo số lượng khối lượng sản phẩm:

Giả sử năm thứ 1 sản lượng là 50.000 sản phẩm Giả
sử năm thứ 2 sản lượng là 55.000 sản phẩm

Giả sử năm thứ 3 sản lượng là 60.000 sản phẩm

Giả sử năm thứ 4 sản lượng là 62.000 sản phẩm

Giả sử năm thứ 5 sản lượng là 65.000 sản phẩm

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức khấu hao tính cho} & & \\ \text{một đơn vị sản phẩm} & = & \frac{480.000.000}{240.000} = 2.000 \text{ đồng/sp} \end{array}$$

Mức khấu hao trích năm thứ 1 = $2.000 \times 50.000 = 100.000.000$ đồng

Mức khấu hao trích năm thứ 2 = $2.000 \times 55.000 = 110.000.000$ đồng

Mức khấu hao trích năm thứ 3 = $2.000 \times 60.000 = 120.000.000$ đồng

Mức khấu hao trích năm thứ 4 = $2.000 \times 62.000 = \underline{\underline{124.000.000}}$ đồng

Tổng 4 năm trích = 454.000.000 đồng

Trích khấu hao theo phương pháp này đến đầu năm thứ 5 Công ty đã thu hồi đủ vốn để tái đầu tư mới TSCĐ. Từ năm thứ 5 trở đi Công ty không phải trích khấu hao mà TSCĐ vẫn còn phục vụ sản xuất, tùy vào tình hình thị trường, công ty có thể xem xét thanh lý TSCĐ để đầu tư tài sản mới hay không.

❖ **Ý kiến 7:**

Công ty nên phổ biến quy định về việc bồi thường tổn thất TSCĐ cho công nhân viên.

Ví dụ : Khi xảy ra tổn thất TSCĐ (*hư hỏng, mất mát, giảm giá trị tài sản, tổn thất vật tư, tiền vốn, làm giảm giá trị vô hình*), các đơn vị trình Công ty, xác định mức tổn thất và tiến hành lập phương án xử lý.

TSCĐ tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân: thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của Pháp luật. Mức bồi thường vật chất quy định trong Bộ luật lao động về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất...

+ Mức thiệt hại < 100 triệu đồng: do Giám đốc Công ty quyết định xử lý.

+ Mức thiệt hại từ 100 - 500 triệu đồng: do Tập đoàn xử lý.

+ Mức thiệt hại > 500 triệu đồng: Hội đồng quản trị xử lý.

Trường hợp tổn thất do thiên tai dịch họa mà Công ty không thể khắc phục Công ty tiến hành báo cáo lên cấp trên xây dựng phương án xử lý tổn thất

❖ **Ý kiến 8:** Về hoàn thiện sổ sách.

- Công ty nên sử dụng đúng mẫu thẻ TSCĐ S12-DNN theo đúng quy định của Bộ Tài Chính và giúp việc hạch toán kế toán TSCĐ được chính xác hơn.

Ví dụ 3.1 : Căn cứ hóa đơn GTGT 00637335 ,Kế toán ghi thẻ TSCĐ(*Biểu số3.1*)

Biểu số 3.1

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH Số:..216.....

Ngày :...07.....tháng:....11...năm:....2010.. lập thẻ

Căn cứ vào HĐ GTGT số:....**00637335**.....ngày.07... Tháng.11.... Năm:....2010.....

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ...Máy điều hòa Panasonic KC12MKH-8....

Số hiệu TSCĐ:....ĐH015VP.....

Nước sản xuất (xây dựng).....Nhật Bản.....

Năm sản xuất2009.....

Bộ phận quản lý, sử dụng.....Phòng xuất nhập khẩu.....

Năm đưa vào sử dụng.....07/11/2010.....

Công suất (diện tích) thiết

kế.....1200PTU.....

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày..... Tháng Năm:.....Lý do đình

chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm đưa vào sử dụng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng đòn
HĐ00637335	07/11/2010	ĐH015VP	8.081.818	2010	237.970	237.970

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên, quy cách phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:..... Ngày..... Tháng..... Năm.....

Lý do giảm :

Kế toán trưởng (ký, họ tên)

- Do TSCĐ của công ty đa dạng về chủng loại, có những TSCĐ được cấu thành từ nhiều TSCĐ có giá trị nhỏ (ví dụ 12 dây chuyền may) nên để phù hợp với đặc điểm đó, TSCĐ được giao cho từng bộ phận sử dụng chịu trách nhiệm giám sát và bảo quản. Công ty nên bổ sung Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng (Mẫu S22 - DN) vào hệ thống sổ sách của mình, dùng để ghi chép tình hình tăng, giảm TSCĐ tại từng nơi sử dụng nhằm quản lý tài sản đã được cấp cho các phòng ban. Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng là căn cứ giúp cho việc kiểm tra đối chiếu giữa kế toán TSCĐ và người phụ trách quản lý TSCĐ ở các phòng ban được dễ dàng, nhanh chóng và chính xác hơn (*Biểu số 3.2*)

Biểu số 3.

Sổ Theo dõi TSCĐ Và Dụng Cụ Tại Nơi Sử Dụng

Năm : 2010

Tên Đơn Vị : Phòng Xuất Nhập Khẩu

Loại tài sản cố định : Thiết bị dụng cụ văn phòng

Ngày tháng ghi sổ	Ghi tăng Tài Sản Cố Định Và Công cụ Lao động								Ghi Giảm Tài Sản Cố Định Và Công cụ lao động					
	Chứng Từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số hiệu TSC Đ	ĐV T	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Chứng Từ		Lý do	Số Lượng	Thành Tiền	Ghi Chú
	Số	Ngày, tháng, năm							Số hiệu	Ngày tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
07/11	00637335	07/11	Điều hòa Panasonic KC12MK H-8	ĐH01 5VP	CÁI	01	8.081.818	8.081.818						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng

(Ký, họ
tên)

Ngày tháng Năm

Chủ DN

(Ký , họ tên)

KẾT LUẬN:

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, vai trò của TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được đánh giá cao. TSCĐ là cơ sở vật chất không thể thiếu được trong sản xuất kinh doanh nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Việc theo dõi phản ánh đầy đủ tình hình hiện có tăng, giảm, khấu hao, sửa chữa TSCĐ là nhiệm vụ quan trọng của công tác kế toán. Tổ chức công tác kế toán không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng quản lý, sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thiết thực trong quá trình định hướng đầu tư.

Trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường hiện nay, một doanh nghiệp muốn đứng vững và phát triển đi lên không dễ dàng. Vì vậy các doanh nghiệp cần phải chú trọng đầu tư, đổi mới trang thiết bị, máy móc hiện đại nhằm đem lại những sản phẩm dịch vụ có chất lượng tốt, giá thành hạ cho người tiêu dùng. Bên cạnh đó phải có những quyết định đầu tư đúng đắn cho việc trang bị lại cơ sở vật chất kỹ thuật sao cho vừa hiệu quả, vừa đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Hay nói cách khác tổ chức hạch toán TSCĐ đã trở thành công cụ đắc lực góp phần tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng phát triển.

- Mặc dù mới thành lập được 8 năm nhưng công ty đã đạt được những kết quả không nhỏ. Công ty có một cơ sở khang trang với nhiều máy móc thiết bị, phương tiện hiện đại, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn trước mắt đòi hỏi công ty cần phải nỗ lực hơn nữa để hoàn thiện.

- Trong thực tế Công ty TNHH May Việt Hàn đã phát huy được những thuận lợi và khắc phục khó khăn để thực hiện các mục tiêu đề ra.

- Công ty đã chấp hành tốt các quy định pháp luật mà nhà nước đề ra, bên cạnh đó công ty thực hiện tốt các quy định của bộ tài chính ban hành.

- Trong quá trình thực tập tại công ty em đã tiếp xúc thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng của công ty. Với sự giúp đỡ của cô giáo và các cán bộ của phòng kế toán công ty, em đã hoàn thành khóa luận hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty TNHH May Việt Hàn.

- Cuối cùng em xin cảm ơn sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH May Việt Hàn đã nhiệt tình giúp đỡ cho em hoàn thành chuyên đề này.

- Em xin chân thành cảm ơn cô giáo **Thạc sĩ Lương Khánh Chi** đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

- Em hứa sẽ cố gắng không ngừng học hỏi nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn để đáp ứng tốt nhất với yêu cầu thực tế.

Em xin chân thành cảm ơn!